

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

**Sinh viên : Đỗ Thị Phương Thảo
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦ ĐÔ**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Đỗ Thị Phương thảo
Giảng viên hướng dẫn: Ths. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2016

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Thị Phương Thảo

Mã SV:1513401061

Lớp: QTL 901K

Ngành: Kế toán – kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất

Thủ Đô

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Mô tả thực trạng tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán tại công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Tài liệu về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh năm 2015 tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công Ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão, Tp. Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Đỗ Thị Phương Thảo

Ths. Trần Thị Thanh Thảo

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2016

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Sinh viên Thảo trong quá trình thực tập tốt nghiệp chấp hành tốt các quy định của giáo viên hướng dẫn cả về thời gian và nội dung yêu cầu hướng dẫn. Ngoài ra sinh viên Thảo còn chăm chỉ chịu khó tìm hiểu lý thuyết và thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô để phục vụ cho bài viết khóa luận do đó bài viết số liệu khá phong phú và có tính logic cao

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

-Chương 1: Đưa ra được cơ sở lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

-Chương 2: Mô tả được chi tiết thực trạng kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô theo hình thức kế toán Nhật ký chung. Số liệu bài viết khá phong phú và logic cho thấy quá trình nghiên cứu sâu sắc của tác giả.

-Chương 3: Đưa ra được những nhận xét ưu nhược điểm trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh từ đó đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán này tại công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2016
Cán bộ hướng dẫn
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ths. Trần Thị Thanh Thảo

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	
CHƯƠNG 1: NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	
1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ	
1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	
1.1.2. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	
1.1.3. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	
1.1.3.1. Doanh thu	
1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu	
1.1.3.3. Chi phí	
1.1.3.4. Xác định kết quả kinh doanh	
1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp vừa và nhỏ	
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng	
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng	
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán	
1.2.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán	
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng giá vốn hàng bán	
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng giá vốn hàng bán	
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán	
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng kế toán chi phí quản lý kinh doanh	
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng kế toán chi phí quản lý kinh doanh	

1.2.4.3.	Phương pháp hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh
1.2.5.	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....
1.2.5.1.	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính
1.2.5.2.	Kế toán chi phí hoạt động tài chính
1.2.5.3.	Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....
1.2.6.	Kế toán thu nhập khác và chi phí khác
1.2.6.1.	Kế toán thu nhập khác
1.2.6.2.	Kế toán chi phí khác
1.2.6.3.	Phương pháp hạch toán trong kế toán thu nhập khác và chi phí khác
1.2.7.	Kế toán xác định kết quả kinh doanh
1.2.7.1.	Chứng từ sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh
1.2.7.2.	Tài khoản sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh
1.2.7.3.	Phương pháp hạch toán trong kế toán xác định kết quả kinh doanh.....
1.2.8.	Các hình thức ghi sổ trong doanh nghiệp
1.2.8.1.	Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Nhật ký chung.....
1.2.8.2.	Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Nhật ký – Sổ cái.....
1.2.8.3.	Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo Hình thức Chứng từ - ghi sổ
1.2.8.4.	Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦ ĐÔ	
2.1.	Khái quát chung về Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....
2.1.1.	Thông tin của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
2.1.2.	Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
2.1.3.	Đặc điểm kinh doanh của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....
2.1.4.	Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
2.1.5.	Những thuận lợi và khó khăn tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....
2.2.	Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
2.2.1.	Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty

2.2.2. Hình thức ghi sổ và các chính sách của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....	
2.3.Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....	
2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô	
2.3.1.1.Chứng từ sử dụng tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....	
2.3.1.2.Tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....	
2.3.1.3.Sổ sách sử dụng tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....	
2.3.1.4.Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô	
2.3.1.5.Ví dụ minh họa.....	
2.3.2.Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....	
2.3.2.1.Chứng từ sử dụng tại công ty.....	
2.3.2.2.Tài khoản sử dụng tại công ty.....	
2.3.2.3.Sổ sách sử dụng tại công ty.....	
2.3.2.4.Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty	
2.3.2.5. Ví dụ minh họa.....	
2.3.3.Kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô	
2.3.3.1.Chứng từ sử dụng tại công ty.....	
2.3.3.2.Tài khoản sử dụng tại công ty.....	
2.3.3.3.Sổ sách sử dụng tại công ty.....	
2.3.3.4.Quy trình hạch toán kế toán chi phí kinh doanh tại công ty	
2.3.3.5.Ví dụ minh họa.....	
2.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....	
2.3.4.1.Chứng từ sử dụng tại công ty.....	
2.3.4.2.Tài khoản sử dụng tại công ty.....	
2.3.4.3. Sổ sách sử dụng tại công ty.....	
2.3.4.4. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty.....	
2.3.4.5.Ví dụ minh họa.....	
2.3.5.Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô	
2.3.5.1. Chứng từ sử dụng tại công ty.....	

2.3.5.2. Tài khoản sử dụng tại công ty.....	
2.3.5.3. Sổ sách sử dụng tại công ty.....	
2.3.5.4. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty.....	
2.3.5.5. Ví dụ minh họa.....	
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦ ĐÔ.....	
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....	
3.1.1. Ưu điểm.....	
3.1.2. Hạn chế.....	
3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....	
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	
3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện.....	
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	
KẾT LUẬN.....	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 2.1. Một số kết quả tài chính của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô 2 năm gần đây.....	
Biểu 2.2. Hóa đơn GTGT số 0000181	
Biểu 2.3. Phiếu thu số 134	
Biểu 2.4. Sổ nhật ký chung	
Biểu 2.5. Sổ cái TK 511	
Biểu 2.6. Sổ chi tiết vật liệu, CCDC	
Biểu 2.7. Phiếu xuất kho số 204.....	
Biểu 2.8. Sổ nhật ký chung	
Biểu 2.9. Sổ cái TK 632	
Biểu 2.10. Hóa đơn GTGT số 0001802	
Biểu 2.11. Phiếu chi số 289.....	
Biểu 2.12. Hóa đơn GTGT số 0009585	
Biểu 2.12. Phiếu chi số 282.....	
Biểu 2.13. Sổ nhật ký chung	
Biểu 2.14. Sổ cái TK 642	
Biểu 2.15. Giấy báo có số 163	
Biểu 2.16. Sổ nhật ký chung	
Biểu 2.17. Sổ cái TK 515	
Biểu 2.18. Phiếu kế toán số 125	
Biểu 2.19. Phiếu kế toán số 126.....	
Biểu 2.20. Phiếu kế toán số 127	
Biểu 2.21. Phiếu kế toán số 128.....	
Biểu 2.22. Sổ nhật ký chung	
Biểu 2.23. Sổ cái TK 911	
Biểu 2.24. Sổ cái TK 421	
Biểu 3.1. Sổ chi tiết bán hàng	
Biểu 3.2. Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.....	

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Sơ đồ 1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	
Sơ đồ 1.3. Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên).....	
Sơ đồ 1.4. Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ).....	
Sơ đồ 1.5. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	
Sơ đồ 1.6. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	
Sơ đồ 1.7. Kế toán chi phí hoạt động tài chính	
Sơ đồ 1.8. Kế toán thu nhập khác	
Sơ đồ 1.9. Kế toán chi phí khác	
Sơ đồ 1.10. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	
Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung	
Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	
Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.....	
Sơ đồ 1.14. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính	
Sơ đồ 1.14. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chứng từ.....	
Sơ đồ 2.1. Sơ đồ bộ máy tổ chức quản lý của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....	
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....	
Sơ đồ 2.3. Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chung tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô	
Sơ đồ 2.4. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô	
Sơ đồ 2.5. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô	
Sơ đồ 2.6. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....	
Sơ đồ 2.7. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.....	
Sơ đồ 2.8. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô năm 2015	
Sơ đồ 3.1. Sơ đồ hạch toán về kế toán doanh thu bán hàng.....	

LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển, hàng loạt các doanh nghiệp đã, đang và sẽ ra đời, hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau. Với quy mô và hoạt động khác nhau nhưng về cơ bản đều hướng tới mục tiêu chung là phát triển bền vững và lợi ích lâu dài. Các doanh nghiệp phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và tỷ suất của nó. Để đạt được điều đó thì mỗi doanh nghiệp luôn phải nắm bắt được tình hình tài chính của công ty và doanh thu bán hàng phải lớn hơn chi phí bỏ ra. Nhờ vậy, doanh thu bán hàng và kết quả bán hàng là hai mặt của một vấn đề, có mối quan hệ tỷ lệ thuận với nhau trong đó doanh thu là điều kiện tiên quyết, quyết định hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh.

Xuất phát từ tầm quan trọng của vấn đề nêu trên, qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô, được sự giúp đỡ của Ban giám đốc, các cán bộ trong phòng Kế toán, cùng sự hướng dẫn tận tình của giáo viên hướng dẫn TH.S.Trần Thị Thanh Thảo, em đi sâu vào nghiên cứu đề tài: "***Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô***".

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Những lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Chương 3: Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Mặc dù đã rất cố gắng song vì bản thân chưa có nhiều kinh nghiệm thực tế nên khóa luận sẽ không tránh khỏi sai sót. Do vậy em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của thầy cô và các bạn sinh viên để hoàn thiện bài khóa luận của mình hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

CHƯƠNG 1:

NHỮNG LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa & nhỏ.

1.1.1. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

➤ Đối với nhà nước:

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hoạt động thông qua các chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước có thể tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về chính trị - an ninh – xã hội tốt nhất.

➤ Đối với doanh nghiệp:

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp các doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.

- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.

- Có căn cứ để thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.

- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

➤ Đối với nhà đầu tư:

Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên báo cáo tài chính, các nhà đầu tư sẽ phân tích, đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

➤ Đối với nhà cung cấp:

Kết quả kinh doanh và lịch sử thanh toán là căn cứ để đưa ra các quyết định về việc cho doanh nghiệp chậm thanh toán.

➤ **Đối với các tổ chức tài chính trung gian:**

Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

1.1.2. Yêu cầu, nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

➤ **Yêu cầu của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Quản lý nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa trong doanh nghiệp là quá trình quản lý hàng hóa về số lượng, chất lượng giá trị hàng hóa bán ra, quản lý từ khâu mua, bán từng mặt hàng, từng nhóm hàng cho đến khi thu được tiền hàng cụ thể như sau:

- Quản lý về giá cả bao gồm: việc lập dự định về theo dõi, việc thực hiện giá đưa ra kế hoạch của kỳ tiếp theo.

- Quản lý về số lượng: giá trị hàng hóa xuất bán bao gồm việc quản lý từng người mua, từng lần gửi hàng, từng nhóm hàng.

- Quản lý việc thu hồi tiền bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: quản lý tiêu thụ hàng hóa tốt sẽ tạo điều kiện cho quản lý kết quả kinh doanh tốt. Từ đó hạn chế rủi ro trong kinh doanh cũng như ngăn chặn nguy cơ thất thoát hàng hóa, đảm bảo tính chính xác của các số liệu đưa ra.

➤ **Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về mặt số lượng, chủng loại, quy cách, mẫu mã,... đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ bán ra.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ để cuối kỳ tập hợp doanh thu, chi phí, từ đó xác định được kết quả kinh doanh.

- Theo dõi thường xuyên, liên tục biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác.

- Theo dõi chi tiết các khoản giảm trừ doanh thu, các khoản phải thu, chi phí của từng hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng.

- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập các báo cáo tài chính.

- Xác định chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Cung cấp các thông tin kế toán chính xác, kịp thời cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh doanh liên quan đến doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo những thông tin cần thiết để xây dựng những kế hoạch cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.3. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.3.1. Doanh thu

a) Một số khái niệm về doanh thu

- Doanh thu bán hàng là tổng các giá trị lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Doanh thu thuần là doanh thu bán hàng sau khi đã trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu như: chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu hoạt động tài chính: bao gồm các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính như tiền lãi gồm tiền lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ... thu nhập cho thuê tài sản, cổ tức, lợi tức được chia, chênh lệch lãi tỷ giá ngoại tệ...

- Thu nhập khác: là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác của doanh nghiệp gồm:

+ Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ.

+ Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.

- + Thu nhập từ nghiệp vụ bán và cho thuê lại tài sản.
- + Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xoá sổ.
- + Các khoản thuế được ngân sách nhà nước hoàn lại.
- + Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ nợ.
- + Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- + Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

b) Thời điểm ghi nhận doanh thu

- Ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá.
 - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 5 điều kiện sau:
 - + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
 - + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá.
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
 - + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
 - Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như:
 - + Doanh nghiệp vẫn còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường, mà việc này không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường.
 - + Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua.
 - + Hàng hoá được giao còn chờ lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành.
 - + Khi người mua có quyền huỷ bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

- Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ.
 - Cung cấp dịch vụ: Nghĩa là thực hiện những công việc đã thoả thuận trong hợp đồng.
 - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.
 - Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn tất cả 4 điều kiện sau:
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ.
 - + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia.
 - Tiền lãi: Là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền hoặc các khoản tương đương tiền như: Lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu...
 - Tiền bản quyền: Là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản như: bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại...
 - Cổ tức và lợi nhuận được chia: Là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn.
 - Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:
 - + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
 - Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:
 - + Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
 - + Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận).

1.1.3.2. Các khoản giảm trừ doanh thu

- **Chiết khấu thương mại:** Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng của từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể

phát sinh trên tổng khối lượng hàng lưu trữ mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.

➤ **Giảm giá hàng bán:** Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hoặc một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

➤ **Giá trị hàng bán bị trả lại:** Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận giá trị hàng bán bị trả lại đồng thời ghi nhận giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ.

➤ **Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp:**

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hoá được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

*** Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa tổng doanh thu với các khoản giảm trừ doanh thu.**

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

1.1.3.3. Chi phí

Chi phí nói chung là sự hao phí được thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ nhằm đến việc đạt được mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp: Doanh thu và lợi nhuận.

a) Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh

ngiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

b) Chi phí quản lý kinh doanh

➤ Chi phí bán hàng.

Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

- Chi phí nhân viên bán hàng.
- Chi phí vật liệu bao bì.
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Chi phí bảo hành sản phẩm.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

➤ Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm :

- Chi phí nhân viên quản lý.
- Chi phí vật liệu quản lý.
- Chi phí đồ dùng văn phòng.
- Chi phí khấu hao tài sản cố định.
- Thuế, phí và lệ phí.
- Chi phí dự phòng.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài.
- Chi phí bằng tiền khác.

c) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, các khoản lập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, đầu tư khác, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

d) Chi phí khác

Chi phí khác gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán, tiền phạt do vi phạm hợp đồng

Khóa luận tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán, các khoản chi phí khác...

e) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ và thu nhập khác.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \text{Thu nhập chịu thuế} \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

1.1.3.4. Xác định kết quả kinh doanh

➤ Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

➤ Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (Gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: Chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động,...), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2. Nội dung công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, xác định kết quả kinh doanh doanh nghiệp vừa & nhỏ.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Phiếu thu.
- Giấy báo có của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

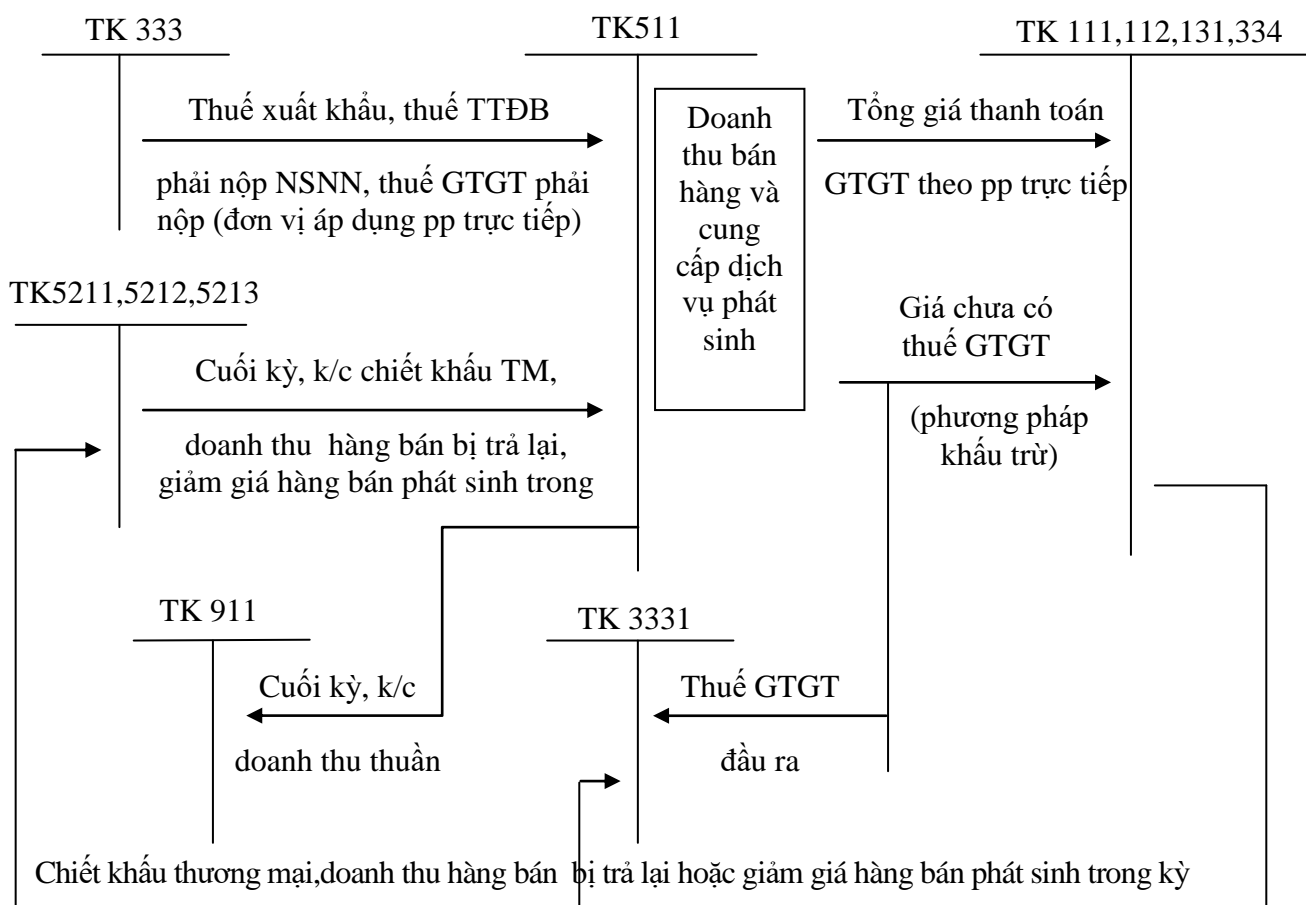
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

➤ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán.

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu bán hàng nội bộ được khái quát qua sơ đồ 1.1 sau:



Sơ đồ 1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.2.2. Tổ chức công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Hóa đơn GTGT.
- Phiếu chi.
- Phiếu nhập kho.
- Giấy báo nợ của ngân hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

➤ TK5211: Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua. Khách hàng sẽ được hưởng

khoản chiết khấu thương mại khi họ đã mua hàng hóa, sản phẩm hoặc dịch vụ với số lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại đã được ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng.

➤ *TK 5212: Hàng bán bị trả lại*

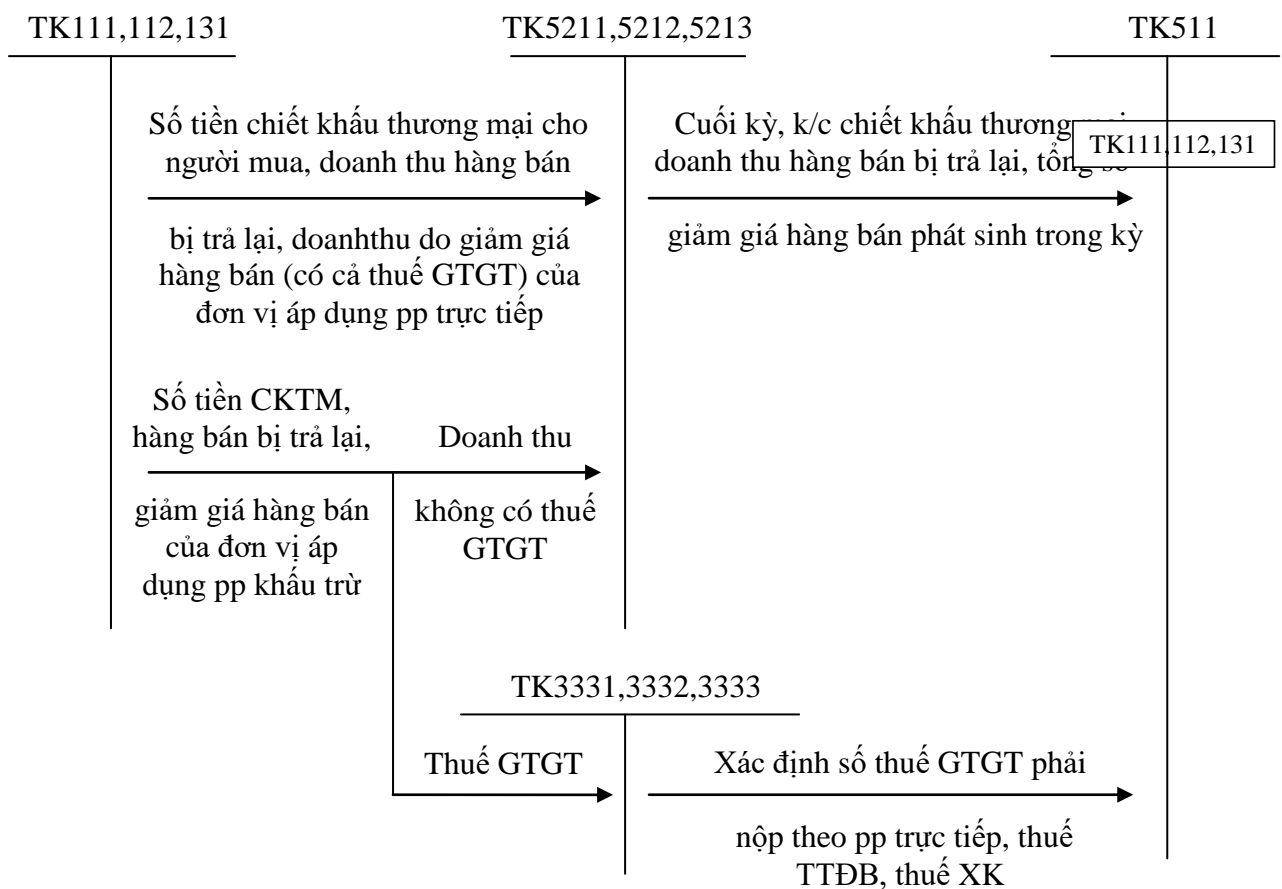
Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại trong kỳ. Đơn giá của hàng bán bị trả lại được tính đúng bằng đơn giá ghi trên hóa đơn bán hàng. Các chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán bị trả lại sẽ được tính vào TK641 – “Chi phí bán hàng”.

➤ *TK5213: Giảm giá hàng bán*

Tài khoản 5213 dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ. Tài khoản này chỉ sử dụng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán được chấp thuận sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn (giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng hóa kém phẩm chất,...

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát bằng sơ đồ 1.2 dưới đây:



Sơ đồ 1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng giá vốn hàng bán

- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng giá vốn hàng bán

Sử dụng tài khoản 632 – “ Giá vốn hàng bán” để phản ánh trị giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp (đối với doanh nghiệp xây lắp) bán trong kỳ. Ngoài ra, tài khoản này còn dùng để phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh sản xuất, chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí thanh lý, bất động sản đầu tư. chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý bất động sản đầu tư trong kỳ.

Có bốn phương pháp để tính giá vốn hàng xuất kho:

✓ *Phương pháp bình quân gia quyền:*

Theo phương pháp này thì giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ}} * \text{Đơn giá bình quân}$$

+ Nếu đơn giá bình quân tính cho cả kỳ được gọi là phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

+ Nếu đơn giá bình quân tính sau mỗi lần nhập được gọi là phương pháp bình quân liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền sau lần nhập thứ } i = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập thứ } i}$$

Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hóa vật tư. Kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn tại sau mỗi lần nhập.

✓ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này, sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng

hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập cuối cùng.

✓ *Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO).*

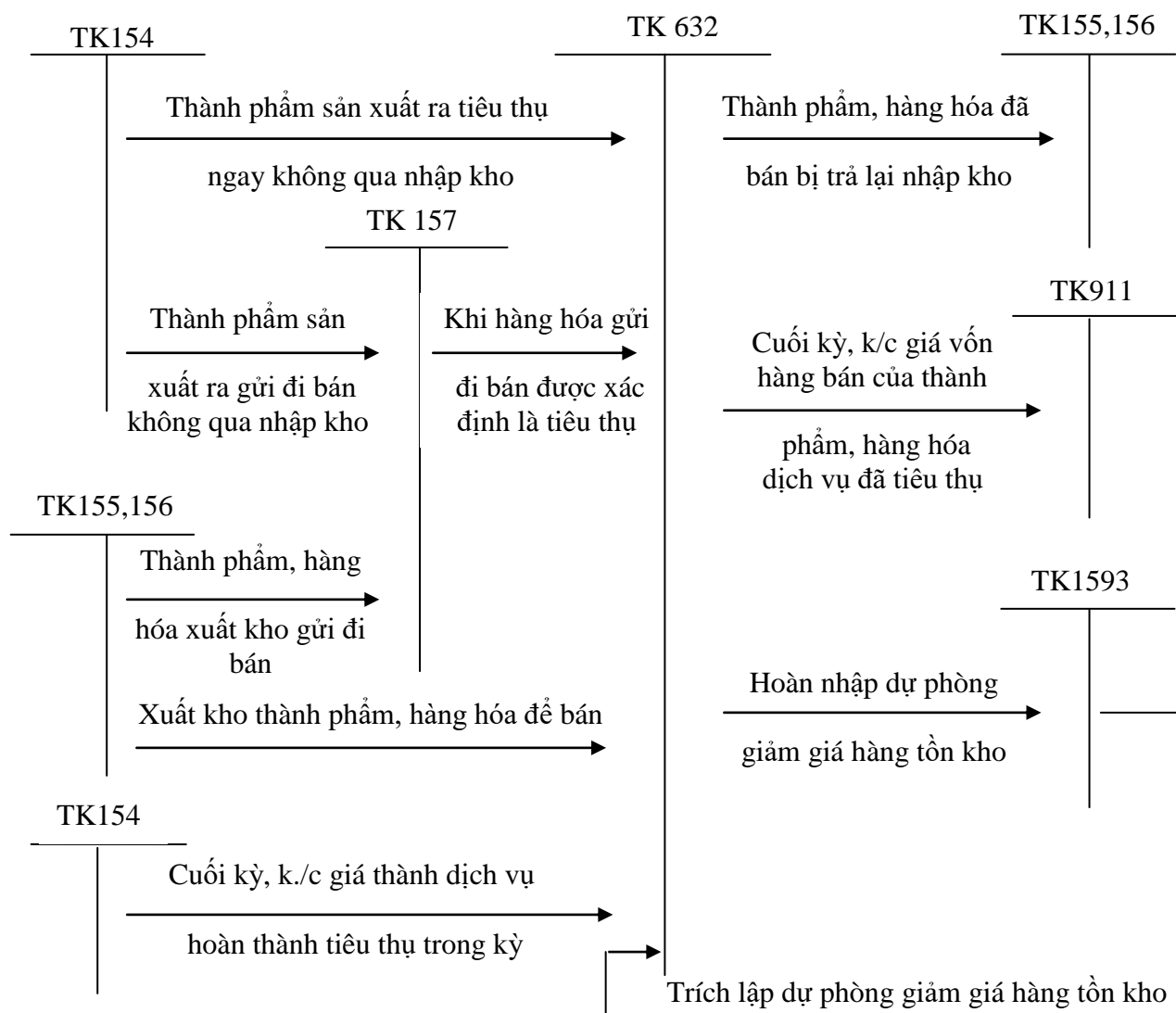
Theo phương pháp này, sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập sau cùng thì sẽ xuất trước. Lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

✓ *Phương pháp thực tế đích danh.*

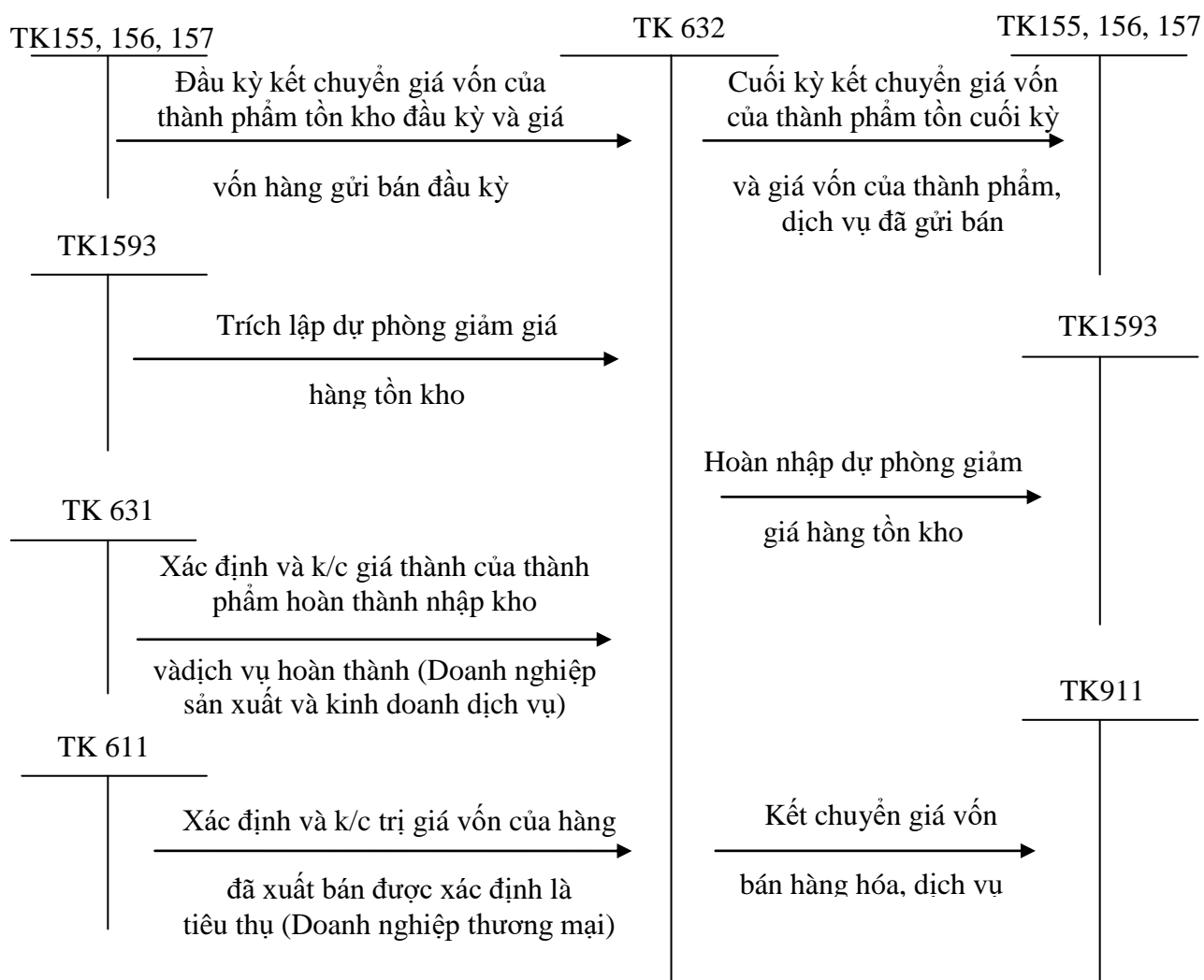
Theo phương pháp này, trị giá vốn hàng xuất kho được xác định dựa trên giả định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán.

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định được khái quát bằng sơ đồ 1.3 và 1.4 dưới đây:



Sơ đồ 1.3. Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kê khai thường xuyên)



Sơ đồ 1.4. Kế toán giá vốn hàng bán (theo phương pháp kiểm kê định kỳ)

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng kế toán chi phí quản lý kinh doanh

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi, giấy báo nợ, phiếu kế toán.
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ.
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng kế toán chi phí quản lý kinh doanh

TK 642 có 2 tài khoản cấp 2:

➤ TK6421: Chi phí bán hàng

TK này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm. TK6421 có kết cấu:

✓ Bên Nợ:

- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

✓ Bên Có:

- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ.
- Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 để xác định kết quả

kinh doanh.

✓ TK6421 không có số dư cuối kỳ.

➤ *TK6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp*

TK này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán. Tài khoản 6422 có kết cấu:

✓ Bên Nợ:

- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.

✓ Bên Có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

✓ TK6422 không có số dư cuối kỳ.

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Phương pháp hạch toán chi phí quản lý kinh doanh được hạch toán bằng sơ đồ 1.5.

1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

a) Chứng từ sử dụng kế toán doanh thu hoạt động tài chính

- Phiếu chi.
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.

✓ Bên Nợ phản ánh:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có).
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên Có phản ánh:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ.
- Lãi tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

✓ TK515 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

a) Chứng từ sử dụng kế toán chi phí hoạt động tài chính

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

b) Tài khoản sử dụng kế toán chi phí hoạt động tài chính

➤ **TK635: Chi phí hoạt động tài chính**

Dùng để phản ánh các khoản chi phí hoạt động tài chính.

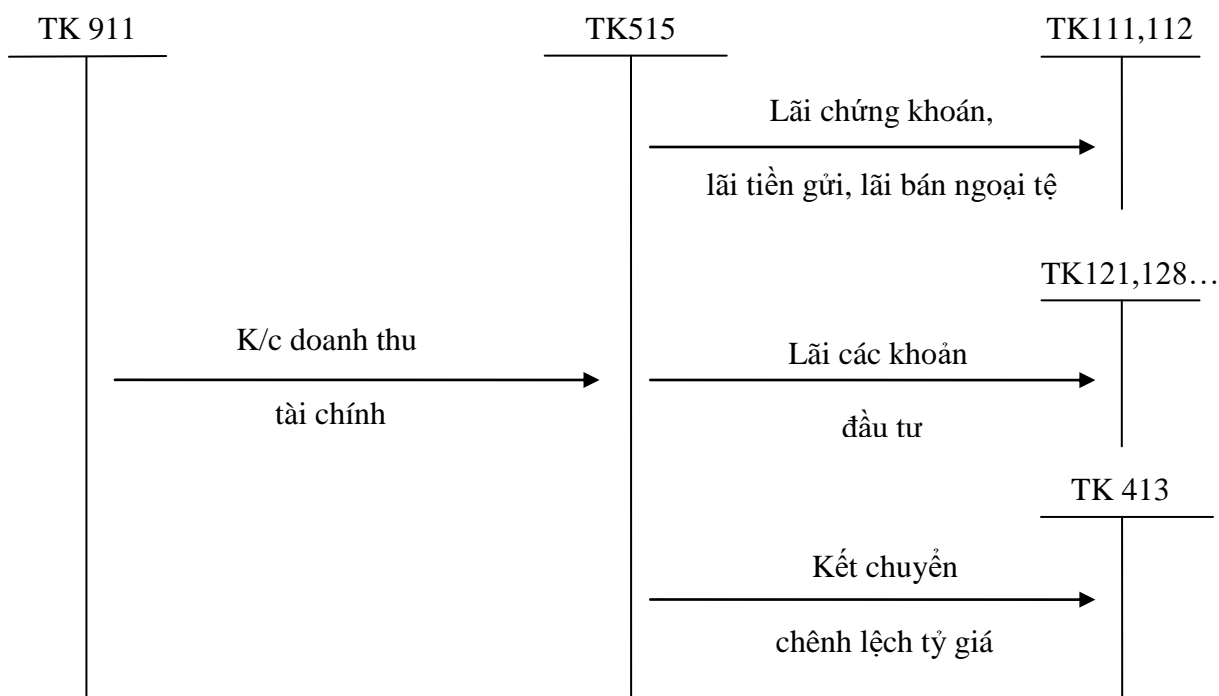
✓ Bên Nợ phản ánh:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính.
- Lỗ bán ngoại tệ.
- Chiết khấu thanh toán cho khách hàng.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh.
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh.

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- ✓ Bên có phản ánh:
 - Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
 - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.
- ✓ TK635 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát bằng sơ đồ 1.6 và sơ đồ 1.7.



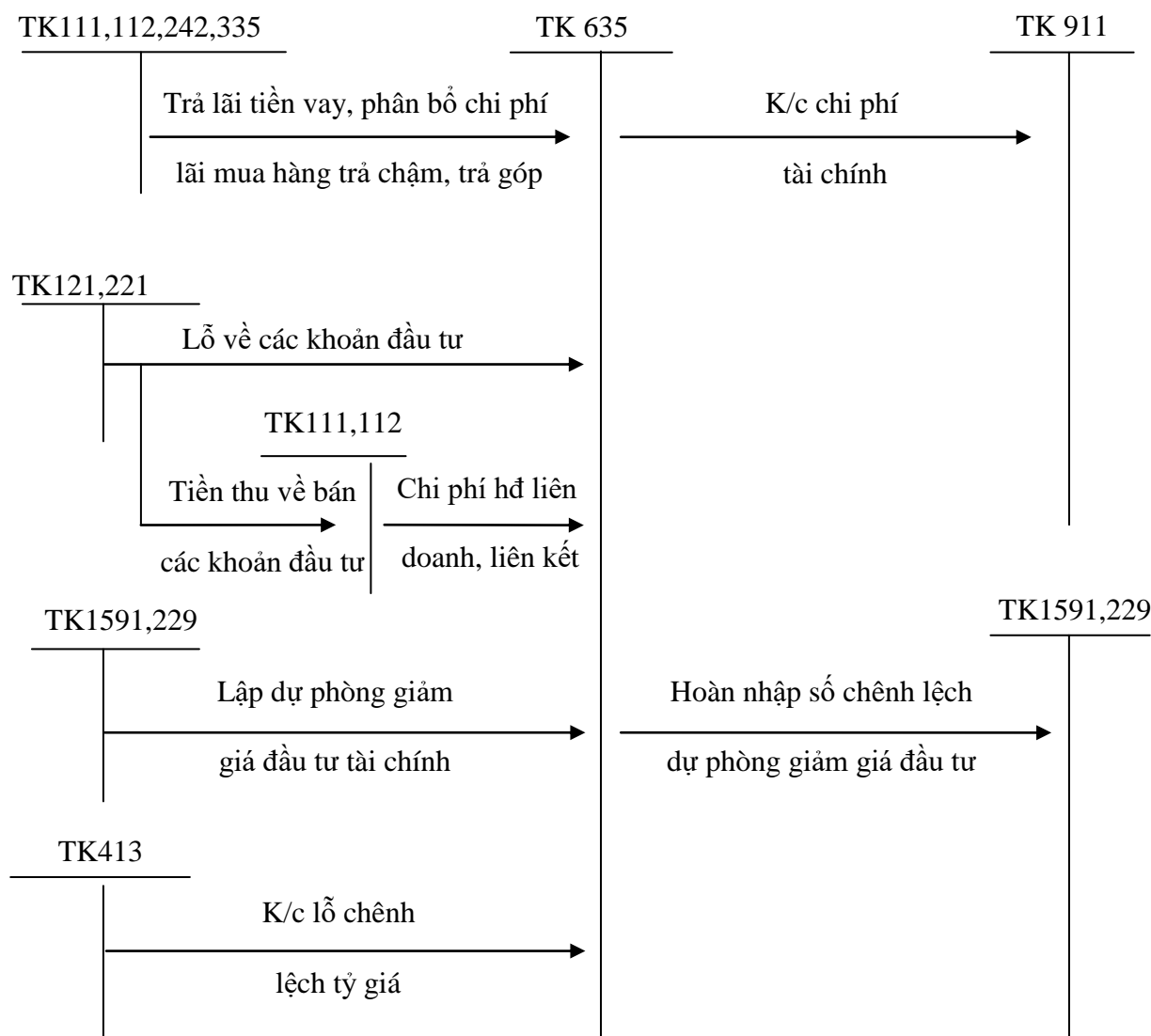
Sơ đồ 1.6 .Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6.1. Kế toán thu nhập khác

a) Chứng từ sử dụng kế toán thu nhập khác

- Phiếu thu.
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định.
- Phiếu kế toán.
- Các chứng từ khác có liên quan.



Sơ đồ 1.7. Kế toán chi phí hoạt động tài chính

b) Tài khoản sử dụng trong kế toán thu nhập khác và chi phí khác

➤ TK711: Thu nhập khác.

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

✓ Bên nợ phản ánh:

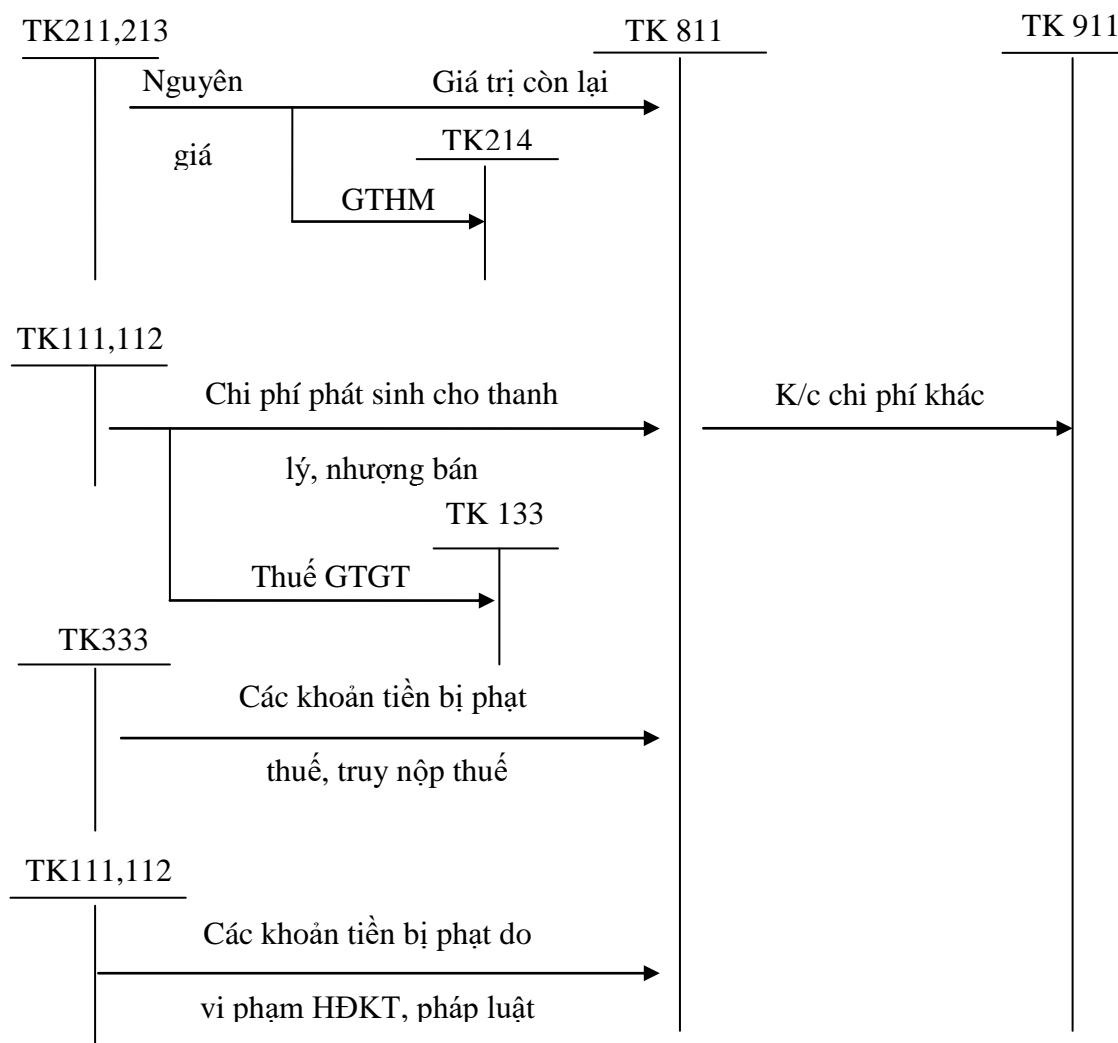
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

✓ Bên Có phản ánh:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

✓ TK711 không có số dư cuối kỳ.



Sơ đồ 1.9. Kế toán chi phí khác

1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7.1. Chứng từ sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh

- Phiếu kế toán.

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng trong kế toán xác định kết quả kinh doanh

➤ **TK911: Xác định kết quả kinh doanh**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

➤ **TK821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí

Khóa luận tốt nghiệp: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

➤ *TK421: Lợi nhuận chưa phân phối*

Tài khoản 421 dùng để phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

✓ Bên Nợ phản ánh:

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp.
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, cho các bên tham gia liên doanh.

- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh.

- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

✓ Bên Có phản ánh:

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ.

- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù.

- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

✓ Số dư bên Nợ là số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

✓ Số dư bên Có là số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

1.2.7.3. Phương pháp hạch toán trong kế toán xác định kết quả kinh doanh

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát bằng sơ đồ 1.10.

1.2.8. Các hình thức ghi sổ trong doanh nghiệp

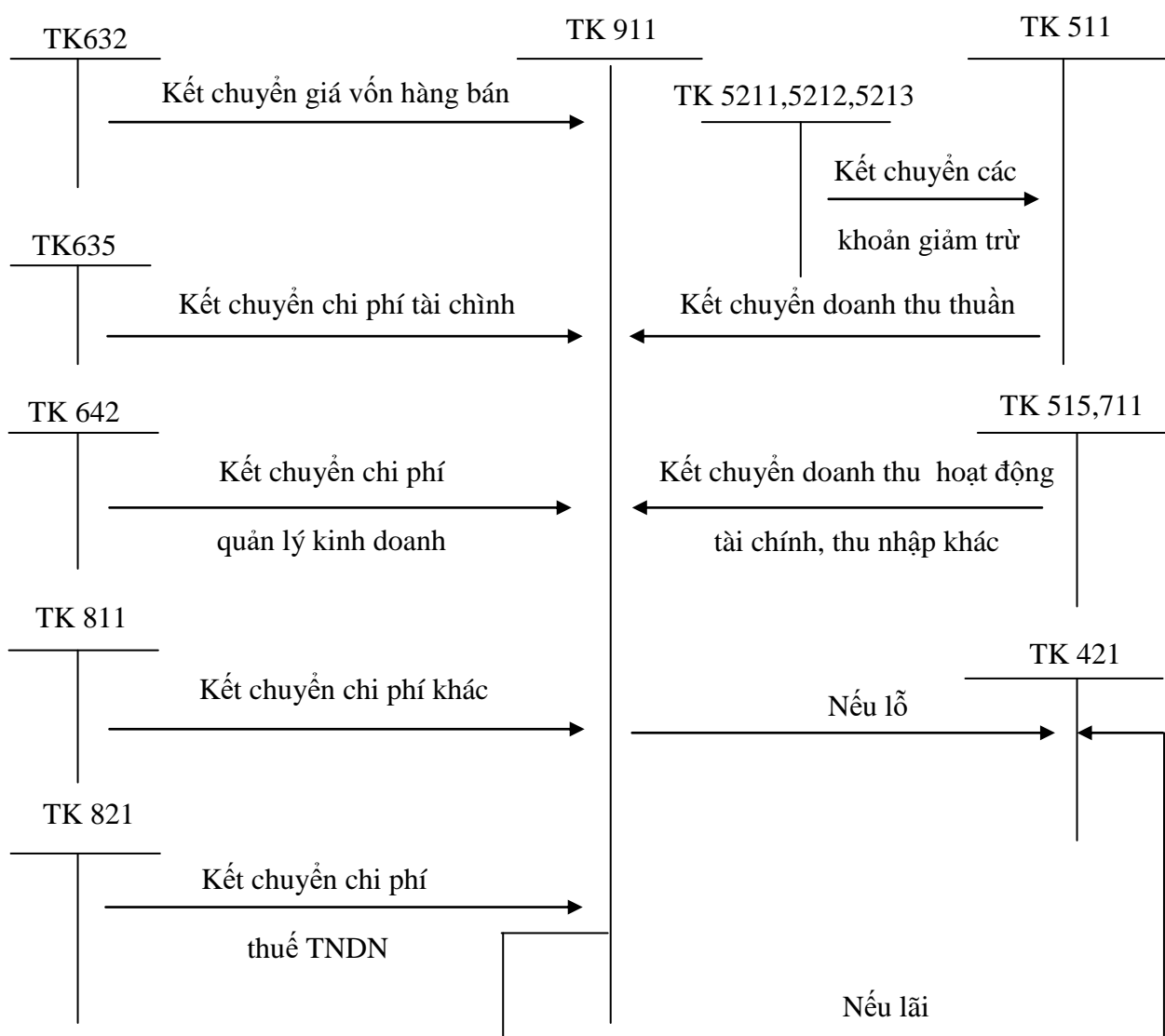
Các hình thức ghi sổ kế toán theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 gồm 4 hình thức sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung

- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

- Hình thức kế toán trên máy vi tính

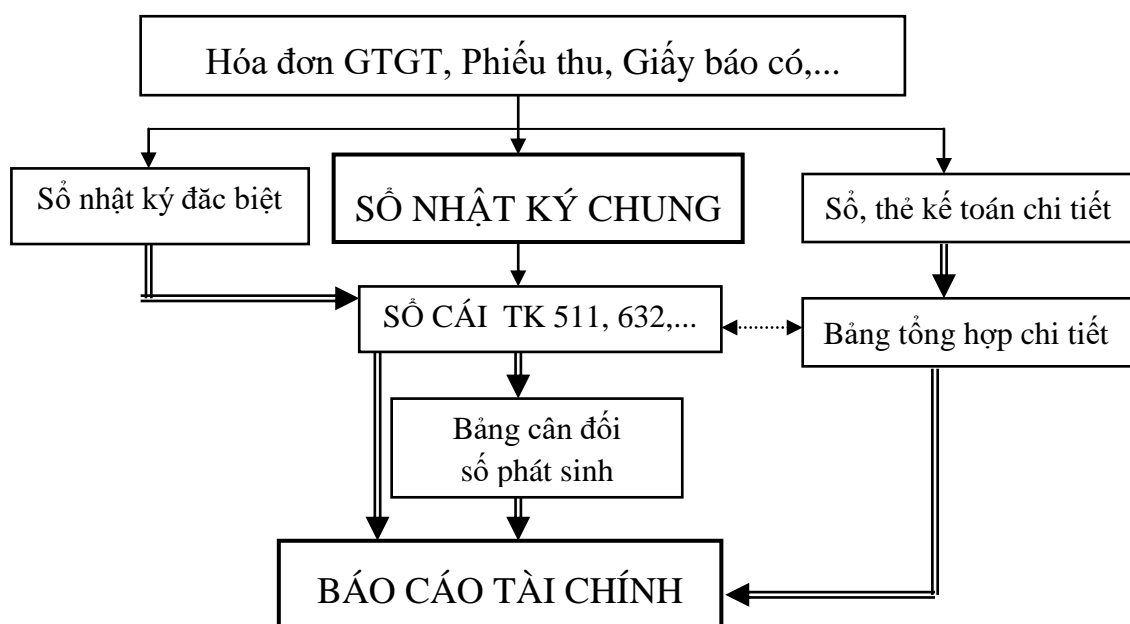


Sơ đồ 1.10. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.8.1. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Nhật ký chung

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp, đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra -.->

Sơ đồ 1.11. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung

1.2.8.2. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

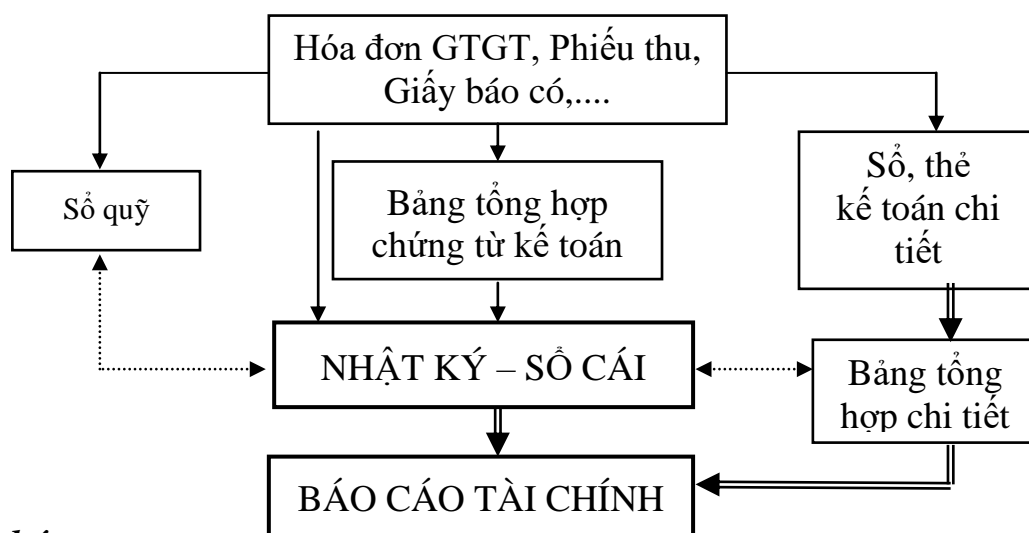
Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào Sổ Nhật ký - Sổ Cái.

Cuối tháng, căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng (trong quý) kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ Cái (Sơ đồ 1.11).

1.2.8.3. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo Hình thức Chứng từ - ghi sổ

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh (Sơ đồ 1.12).



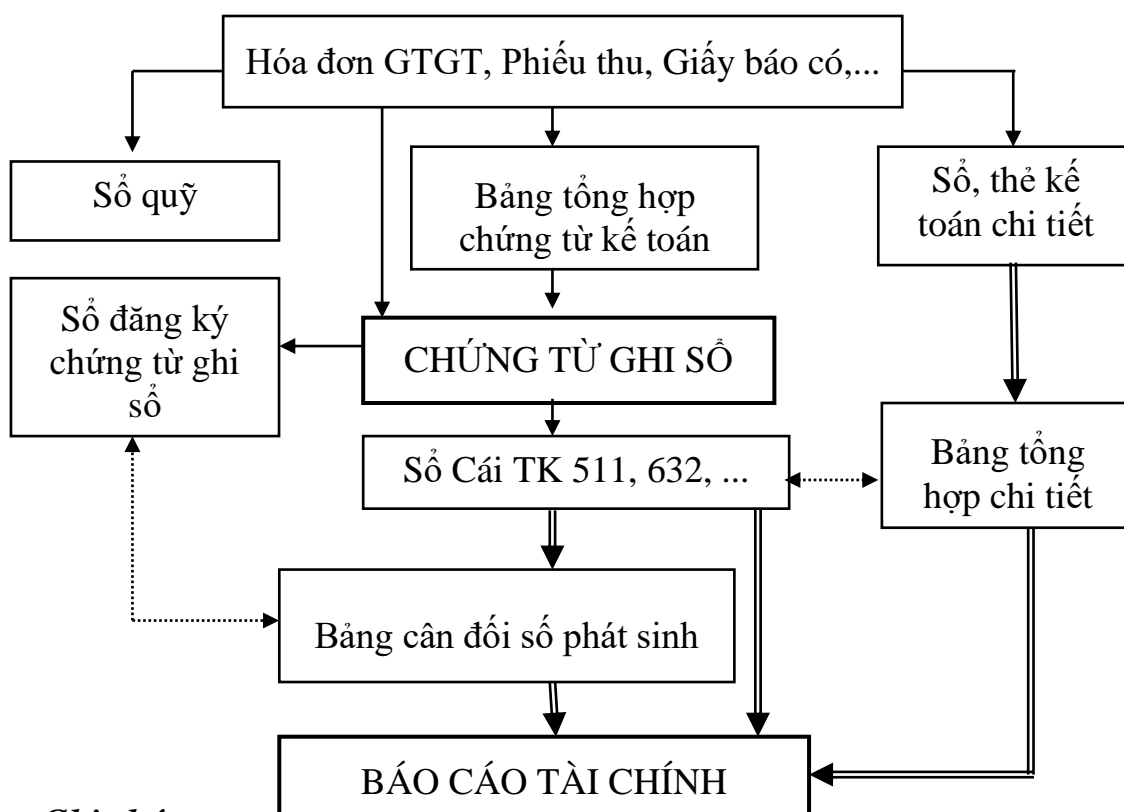
Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.12. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng \Longrightarrow

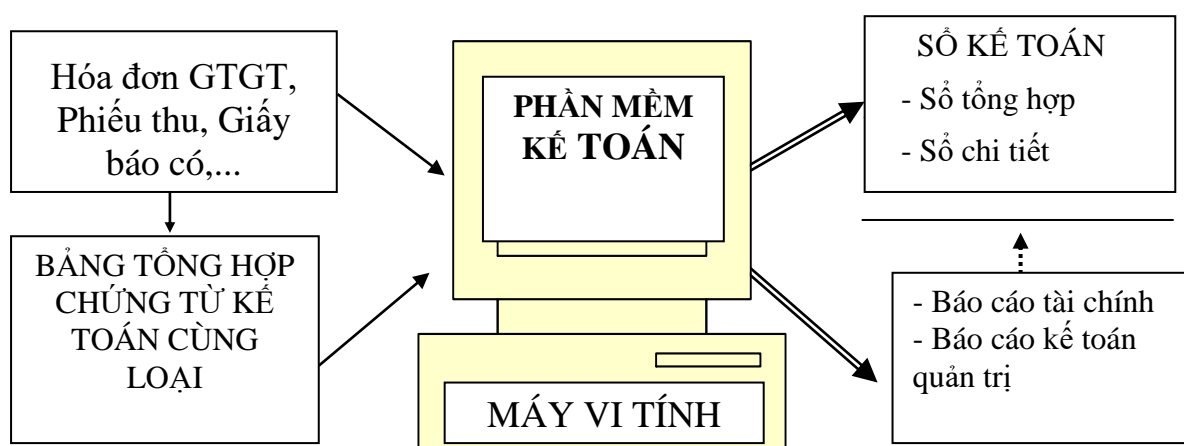
Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

Sơ đồ 1.13. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

1.2.8.4. Ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQKD theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay (Sơ đồ 1.13).



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇨
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

Sơ đồ 1.14. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦ ĐÔ

2.1. Khái quát chung về Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.

2.1.1. Thông tin của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô là doanh nghiệp tư nhân được thành lập ngày 29/12/2008 quyết định của UBND thành phố Hải Phòng.

- Tên công ty:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦ ĐÔ

- **Trụ sở giao dịch : Đội 9 – An Thắng – An Lão – Hải Phòng**
- Điện thoại: 031.679.400
- Fax: 0313.902.196
- Số Tài khoản :2110201001055 mở tại Ngân Hàng No & PTNT Huyện An Lão – TP. Hải Phòng
- Mã số thuế: 0200852160
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng
- Người đại diện theo pháp luật của công ty: Chức danh giám đốc Công ty, ông Vũ Văn Toàn

2.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô đã đi vào hoạt động được 7 năm, và được Sở kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép hoạt động vào ngày 29/12/2008.

Trong quá trình hình thành và phát triển, công ty đã gặp không ít khó khăn. Tuy nhiên, tập thể cán bộ công nhân viên đã không ngừng nỗ lực vượt qua những trở ngại không lường để đạt được một số thành công nhất định như ngày hôm nay.

Với phương châm sống “Coi con người là nhân tố trung tâm để quyết định thành công, phồn thịnh và phát triển bền vững”, vì vậy Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, bằng những việc làm cụ thể như đang mở rộng sang hướng thi công, xây lắp các công trình điện lớn góp phần tạo công ăn việc làm ổn định và tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Ngoài ra, công ty vẫn đang tập trung chủ yếu vào sản xuất và buôn bán áo mưa, cặp sách, mặt hàng nhựa và vải tráng nhựa...

Sau đây là một số chỉ tiêu kinh tế cơ bản trong 2 năm gần đây của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô (Biểu số 2.1).

Biểu 2.1. Một số kết quả tài chính của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô trong 2 năm gần đây

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1.Doanh thu	5. 658.258.654	7.048.563.228
2.Lợi nhuận sau thuế	75.159.906	284.492.146
3.Tổng tài sản	3.473.300.594	6.254.981.978
4.Vốn chủ sở hữu	1.575.159.906	2.809.652.052

=> Dựa theo số liệu tổng kết sơ bộ có thể thấy năm 2015 tăng mạnh so với năm 2014.

2.1.3.Đặc điểm kinh doanh của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Các ngành nghề kinh doanh của công ty:

Chuyên phục vụ cho nhu cầu các mặt hàng vải nhựa, vải tráng nhựa:

- Phục vụ nhu cầu tiêu dùng như: Cặp vừa nhỏ, ô, áo mưa,...
- Bao bì đóng gói phục vụ các ngành nghề may mặc

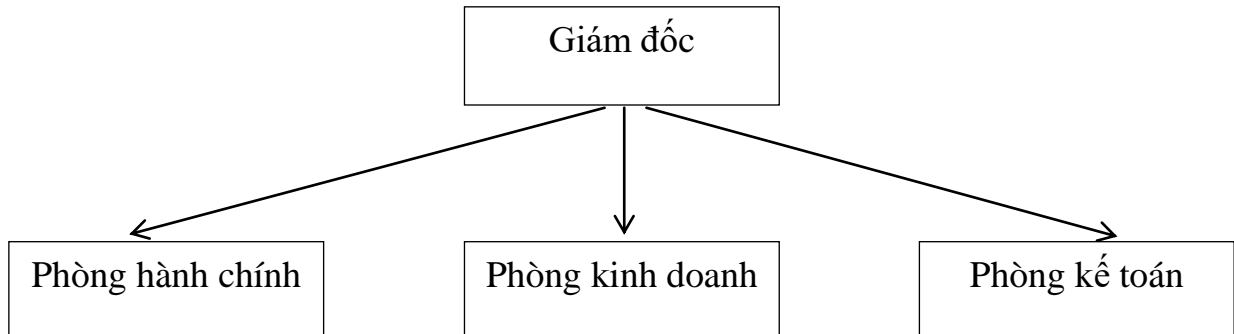
2.1.4.Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty theo kiểu Trực tuyến . Giám đốc Công ty trực tiếp điều hành các phòng ban Tài Chính – Kế Toán, Kế hoạch và Tổ chức hành chính.

Các phòng ban làm nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc trong quá trình ra quyết định. Các Trưởng phòng, bố trí lao động điều hành các công việc cụ thể trong phạm vi quản lý của mình để thực hiện nhiệm vụ được giao. Trưởng các bộ phận có thể giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền cho cấp phó một số công việc hoặc

quyền hạn nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm trước Giám đốc về việc phân công và ủy quyền trên

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH TMSX Thủ Đô



- Giám đốc: Là người lãnh đạo cao nhất, đại diện hợp pháp của công ty trước cơ quan nhà nước và pháp luật; lập ra các định hướng phát triển cho công ty, giám sát và điều hành các hoạt động của công ty.

- Phòng kế toán: thực hiện và giám sát các công việc về tài chính trong công ty.

- Phòng hành chính: Quản lý các thiết bị trang bị cho hoạt động của khối văn phòng, quản lý các hồ sơ, chứng từ, công văn, các loại hợp đồng... liên quan, hỗ trợ phòng kế toán các công việc liên quan, thực hiện tuyển dụng nhân sự cho công ty theo yêu cầu, phối hợp với các phòng ban, cơ quan chức năng của nhà nước để tổ chức các khóa huấn luyện, đào tạo theo yêu cầu và hướng dẫn, thực thi, theo dõi các chính sách, chế độ, nội qui, qui chế của công ty đối người lao động tại công ty.

- Phòng kinh doanh: Quản lý vật tư, thiết bị, công cụ dụng cụ sản xuất, cung ứng mua, cấp, phát vật tư thiết bị theo yêu cầu của các bộ phận, thực hiện nhiệm vụ marketing và bán hàng cho công ty.

2.1.5. Những thuận lợi và khó khăn tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

❖ Thuận lợi

- Hoạt động của doanh nghiệp đã đi vào nề nếp, bộ máy tổ chức nhân sự từng bước được kiện toàn giúp phát huy hiệu quả và nâng cao hiệu suất làm việc của người lao động.
- Mặt hàng sản xuất của công ty trên thị trường chưa nhiều nên chưa nhiều đối thủ cạnh tranh giúp công ty chiếm ưu thế trên thị trường hiện nay.
- Định hướng mặt hàng của công ty là đúng đắn bởi vì: Công ty được thành lập trong điều kiện nền kinh tế thị trường Việt Nam trong giai đoạn mở cửa, nhà nước ưu đãi đầu tư và có chính sách khuyến khích sản xuất trong nước và tiêu thụ có sản phẩm hàng nội địa. có nhiều ưu thế trong việc cạnh tranh,

❖ **Khó khăn**

- Tình hình kinh tế nước ta có nhiều khó khăn, lạm phát và lãi vay ngân hàng là thách thức rất lớn trong điều kiện kinh doanh hiện nay. Tình hình kinh tế thế giới cũng có nhiều biến động khó lường trước tác động xấu tới hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

- Do công ty chuyên sản xuất mặt hàng liên quan đến thời trang nên thường xuyên phải làm mới mẫu mã cũng như mặt hàng đang sản xuất.

Doanh nghiệp chịu sự cạnh tranh khốc liệt từ các doanh nghiệp trên thị trường trong lĩnh vực sản xuất chưa đẩy mạnh công tác quảng cáo tiếp thị sản phẩm đặc biệt là có rất nhiều các doanh nghiệp Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ cạnh tranh về giá bán.

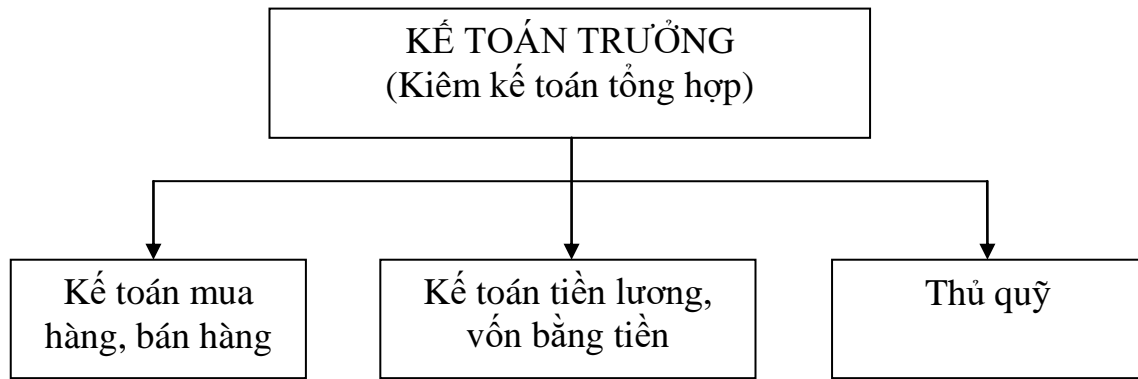
Phạm vi hoạt động của công ty còn nhỏ, thương hiệu còn mới và phải cạnh tranh với nhiều doanh nghiệp mạnh, giàu kinh nghiệm có cùng lĩnh vực hoạt động nên công tác tìm kiếm luôn là một thách thức lớn.

2.2. Đặc điểm công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

2.2.1. Đặc điểm bộ máy kế toán tại công ty

Phòng Tài chính - kế toán là trung tâm cung cấp thông tin về sự vận của tài sản, các thông tin về hiệu quả kinh doanh của công ty, cũng như hiệu quả sử dụng vốn. Đây là căn cứ giúp cho ban lãnh đạo giải quyết kịp thời, đúng đắn để kinh doanh có hiệu quả.

Cơ cấu bộ máy kế toán của công ty theo mô hình kế toán tập trung.



Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Với công tác nhiệm vụ cụ thể như sau:

Kế toán trưởng: tham mưu cho Giám đốc về hoạt động tài chính. Kế toán trưởng có nhiệm vụ thuyết minh, phân tích kết quả kinh doanh để giúp ban giám đốc ra quyết định và có biện pháp đúng đắn trong sản xuất kinh doanh. Đồng thời, kế toán trưởng còn phụ trách quyết toán thuế, tiến hành thu thập, xử lý thông tin, số liệu kế toán, các chứng từ kế toán thông qua các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Kế toán mua hàng, bán hàng: Phụ trách tình hình nhập kho, xuất kho, tồn kho, tình hình sử dụng công cụ dụng cụ, thực hiện báo cáo kịp thời. Theo dõi tình hình bán hàng hóa, đồng thời theo dõi công nợ phải thu của khách hàng trên tài khoản 131.

Kế toán tiền lương, vốn bằng tiền: Thực hiện kế toán tiền lương, quản lý quỹ lương, quỹ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, thực hiện chi trả lương thưởng cho nhân viên, lao động trong Công ty. Lập báo cáo thu chi hằng ngày, báo cáo tiền gửi ngân hàng hằng ngày để gửi theo yêu cầu của Giám đốc.

Thủ quỹ: Thủ quỹ chịu trách nhiệm quản lý và nhập, xuất quỹ tiền mặt. Hàng ngày thủ quỹ phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt. Nếu có chênh lệch, kế toán và thủ quỹ phải kiểm tra lại để xác định nguyên nhân và kiến nghị biện pháp xử lý chênh lệch.

2.2.2. Hình thức ghi sổ và các chính sách của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

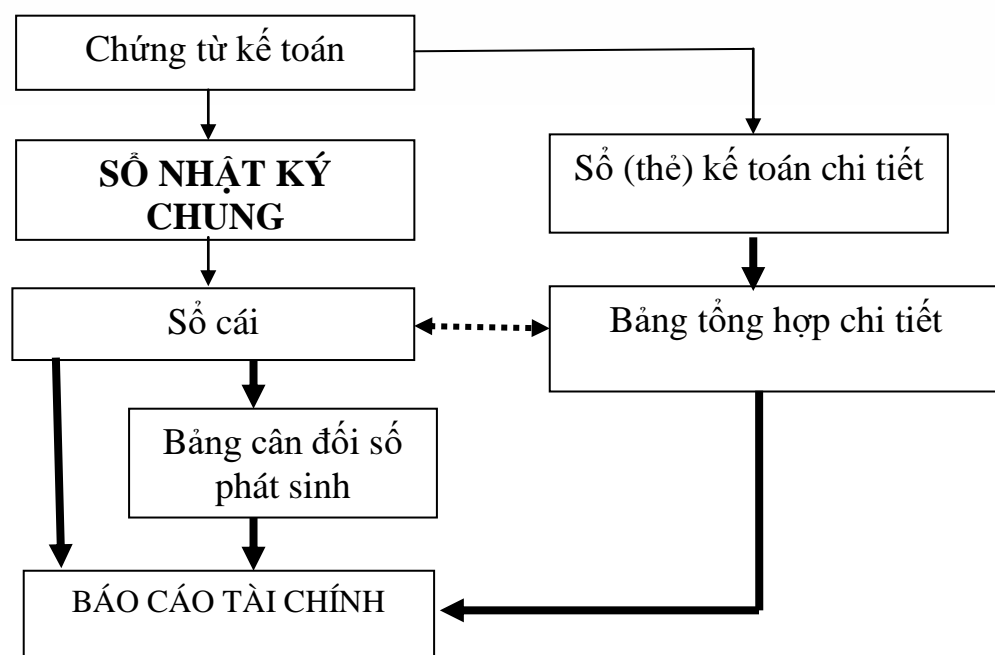
2.2.2.1. Hình thức ghi sổ tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

a. Công việc hàng ngày:




- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, Trước hết ghi nhiệm vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết sau khi ghi sổ NKC kế toán ghi vào các sổ chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính. Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật Ký Chứng Từ tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô



Ghi chú:

-  Ghi hàng ngày
-  Ghi cuối tháng, hoặc định kì
-  Đối chiếu, kiểm tra

2.2.2.2. Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC được ban hành vào ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp.

- Phương pháp tính giá xuất công cụ, hàng hóa: Theo phương pháp bình quân liên hoàn.
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Kế toán chi tiết hàng tồn kho: Theo phương pháp thẻ song song.
- Phương pháp tính thuế: Theo phương pháp khấu trừ.
- Phương pháp khấu hao: Theo phương pháp khấu hao đều.

2.3. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

2.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Mặc dù ngành nghề kinh doanh của công ty gồm các hoạt động sản xuất và thương mại. Nhưng hiện nay doanh thu của Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô chủ yếu từ hoạt động thương mại: bán buôn bán lẻ các mặt hàng gia công.

2.3.1.1. Chứng từ sử dụng tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

- Hóa đơn GTGT: Khi nghiệp vụ bán hàng phát sinh, kế toán viết hóa đơn GTGT thành 3 liên:

- + Liên 1 (màu tím): liên gốc lưu lại quyển hóa đơn.
 - + Liên 2 (màu đỏ): giao cho khách hàng để lưu chuyển hàng hóa và ghi sổ kế toán tại đơn vị khách hàng.
 - + Liên 3 (màu xanh): lưu chuyển nội bộ và ghi sổ kế toán.
- Phiếu thu.
 - Giấy báo có của ngân hàng.
 - Các chứng từ có liên quan khác.

2.3.1.2. Tài khoản sử dụng tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Tài khoản được sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + TK5111: doanh thu bán hàng hoá

2.3.1.3.Sổ sách sử dụng tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Sổ nhật ký chung

- Sổ cái TK 511

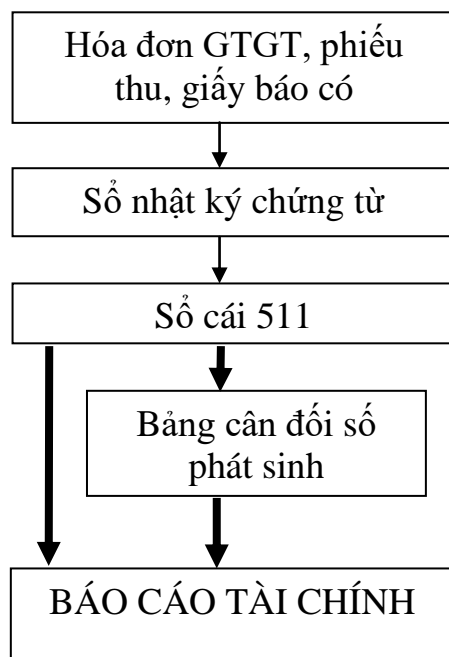
2.3.1.4.Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

- Đối với hoạt động bán hàng: Căn cứ vào Hợp đồng mua bán (nếu có) hoặc căn cứ vào thỏa thuận mua bán của khách hàng, cán bộ quản lý kho viết phiếu xuất kho rồi gửi lên phòng kế toán làm căn cứ viết hóa đơn GTGT.

Hàng ngày căn cứ vào Hóa đơn GTGT, phiếu thu, và giấy báo có, kế toán vào sổ nhật ký chung, từ sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 511.

Cuối năm, căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối số phát sinh, từ bảng cân đối số phát sinh lập báo cáo tài chính.

Quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô được mô tả qua sơ đồ 2.4



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————→
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì —————→
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ←.....→


Sơ đồ 2.4. Sơ đồ hạch toán kế toán doanh thu bán hàng tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

2.3.1.5. Ví dụ minh họa

* **Ví dụ 1:** Ngày 15/11/2015 Công ty bán 50 cặp hs nhỏ đơn giá 50.000, 50 cặp ngang 197 đơn giá 100.000, 50 cặp ngang 296 đơn giá 115.000, thuế 10% cho đại lý theo HĐ số 0000181. Đã thanh toán bằng tiền mặt.

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT (Biểu 2.2), phiếu thu (Biểu 2.3), kế toán vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.4), Sổ cái TK 511 (Biểu 2.5).

Biểu 2.2 Hóa đơn GTGT số 0000181



THỦ ĐÔ VÀNG

**HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 3: Nội bộ

Ngày: 15 tháng 11 năm 2015

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: TD/14P

Số: **0000181**

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦ ĐÔ**
 Mã số thuế: **0200852160**
 Địa chỉ: **Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng**
 Số tài khoản: **2110201001055 tại NH Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN An Lão - HP**
 Điện thoại: **031.3679400 - Fax: 031.3902196**

Họ tên người mua hàng: *Đo Hùng Cường*
 Tên đơn vị: _____
 Mã số thuế:
 Địa chỉ: *Ô 146 - 148 - 150 An Khê Đông Xương Hà Nội*
 Hình thức thanh toán: *Tiền mặt* Số tài khoản: _____

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1)	<i>Cấp học sinh nghèo</i>	<i>lái</i>	<i>50</i>	<i>50.000</i>	<i>2.500.000</i>
2)	<i>Cấp ngang (197)</i>	<i>"</i>	<i>50</i>	<i>100.000</i>	<i>5.000.000</i>
3)	<i>Cấp ngang (296)</i>	<i>"</i>	<i>50</i>	<i>115.000</i>	<i>5.750.000</i>
Cộng tiền hàng:					<i>13.250.000</i>
Thuế suất GTGT: <i>10%</i> Tiền thuế GTGT:					<i>1.325.000</i>
Tổng cộng tiền thanh toán:					<i>14.575.000</i>

Số tiền viết bằng chữ: *Mười bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn chẵn*

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Báo hàng qua HT

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đo Hùng Cường

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Đo Hùng Cường

GIÁM ĐỐC
Vũ Văn Toàn

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.3. Phiếu thu số 134

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão-HP

Mẫu số:01 – TT
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 15 tháng 11 năm 2015

Quyển số:...

Số: PT331

Nợ: 111

Có: 511,
3331

Họ tên người nộp tiền:..... Đỗ Hưng Quang

Địa chỉ:Ô146-148-150A1- Chợ Đồng Xuân- Hà Nội

Lý do thu:Thu tiền bán hàng HĐ số 0000181.....

Số tiền:...14.575.000 đồng.....

(Viết bằng chữ):Mười bốn triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn....

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp	Người lập	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Kèm theo:.....01.....Chứng từ gốc.....HĐTGTT Số 0000181.....

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ):.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.4. Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão-HP

Mẫu số: S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư trang trước chuyển sang		44.485.968.558	44.485.968.558
.....
06/11	PC240	06/11	Trả tiền dầu T11/2015	6422	921.136	
				133	92.114	
				111		1.013.250
11/11	HĐ 0000200	11/11	Doanh thu bán cặp nhỏ	131	56.080.000	
				511		50.540.000
				3331		5.540.000
.....
14/11	GBC 150	14/11	Cty Hoàng An trả tiền mua vải sợi nhựa	112	53.240.000	
				511		48.400.000
				3331		4.840.000
.....
15/11	PX104	15/11	Giá vốn Cặp ngang	632	11.598.760	
				156		11.598.760
15/11	PT134	15/11	Thu tiền bán Cặp các loại	111	14.575.000	
				511		13.250.000
				3331		1.325.000
17/11	GBC167	17/11	Cty TNHH 1 TV Điện Lực HP – ĐL Ngô Quyền đồ bảo hộ	112	46.304.500	
				511		42.095.000
				3331		4.209.500
.....
30/11	PC289	30/11	Cước vận chuyển hàng hóa T11/2015	6421	6.000.000	
				133	600.000	
				111		6.600.000
.....
			Cộng phát sinh		53.062.074.357	53.062.074.357

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.5. Sổ cái TK 511

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão-HP

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: TK 511

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
.....
11/11	HD 0000200	11/11	Doanh thu bán lẻ nhỏ	131		50.540.000
.....
14/11	GBC 210	14/11	Cty Điện Lực Kiến An trả tiền mua đồ bảo hộ	112		40.400.000
.....
15/11	PT134	15/11	Thu tiền bán Cặp các loại	111		14.575.000
17/11	GBC167	17/11	Cty TNHH 1 TV Điện Lực HP – ĐL Ngô Quyền tt tiền mua đồ bảo hộ	112		42.095.000
.....
31/12	PKT125	31/12	Cuối năm kết chuyển DTBH	911	9.048.563.228	
			Công số phát sinh		9.048.563.228	9.048.563.228
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Hiện tại, để tính giá hàng xuất bán, công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô sử dụng phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

2.3.2.1. Chứng từ sử dụng tại công ty

- Phiếu xuất kho: Phiếu xuất kho do bộ phận kho lập thành 3 liên. Sau khi lập phiếu xong, người lập phiếu và kế toán trưởng ký và chuyển cho Giám đốc duyệt, rồi giao cho người nhận phiếu xuống kho nhận hàng.

Sau khi xuất kho thủ kho ghi rõ ngày, tháng, năm xuất kho, cùng người nhận hàng ký và ghi rõ họ tên vào phiếu.

Liên 1: Lưu ở bộ phận lập phiếu.

Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho và sau đó chuyển cho kế toán để ghi vào sổ kế toán.

Liên 3: Giao cho người nhận hàng.

2.3.2.2. Tài khoản sử dụng tại công ty.

- Kế toán sử dụng tài khoản 632 để hạch toán giá vốn hàng bán.

2.3.2.3. Sổ sách sử dụng tại công ty.

- Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn
- Sổ chi tiết các tài khoản
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632

2.3.2.4. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty.

Theo phương pháp bình quân liên hoàn, trị giá thực tế hàng xuất kho được tính bằng cách:

Sau mỗi lần nhập hàng, kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Căn cứ vào giá đơn vị bình quân và lượng xuất để tính trị giá xuất:

$$\text{Trị giá thực tế hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} * \text{Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập}$$

2.3.2.5. Ví dụ minh họa

Tiếp ví dụ 1 trang 35.

* Cách tính giá xuất của Cặp nhỏ

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Trị giá thực tế hàng tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng hàng thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

* Đơn giá xuất của Cặp nhỏ:

$$\begin{aligned} \text{Đơn giá bình quân} &= \frac{4.285.000}{105} \\ &= 40.809 \text{ (cái)} \end{aligned}$$

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Thiết bị điện Hải Phòng:

Căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu 2.7), kế toán vào sổ chi tiết các tài khoản (Biểu 2.6). Sổ nhật ký chung (Biểu 2.8), Sổ cái TK 632 (Biểu 2.9), và các sổ sách có liên quan khác.

Biểu 2.6. Sổ chi tiết vật liệu, CCDC

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão-HP

Mẫu số S07 - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DC

Tháng 11 năm 2015

TK:156 Tên kho:.....

Tên nguyên vật liệu: Cặp nhỏ

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn giải	SHT KD U	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT
		Số dư đầu kỳ		47.500					20	950.000
		Phát sinh trong kỳ								
PN 110	06/11	Nhập Cặp nhỏ	131	40.500	100	4.050.000			120	5.000.000
PX 176	10/11	Xuất bán	632	41.000			50	2.050.000	70	2.950.000
PX 180	19/11	Xuất bán	632	41.000			65	2.665.000	5	285.000
PN 125	23/11	Nhập Cặp nhỏ	111	40.000	100	4.000.000			105	4.285.000
PX 204	26/11	Xuất bán	632	40.809			85	3.468.765	20	816.235
		Cộng phát sinh								
		Số dư cuối kỳ							20	816.235

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.7. Phiếu xuất kho số 194

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Mẫu số: 02 - VT

Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ: 632

Ngày 15 tháng 11 năm 2015

Có: 156

Số: 204

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Ánh

- Địa chỉ (bộ phận): Quầy bán hàng

- Lý do xuất kho: Cặp nhỏ

- Xuất tại kho (ngăn lô): Hàng hóa

Địa điểm:

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Cặp nhỏ	CAPN	cái		85	40.809	3.468.765
	Cộng						3.468.765

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi năm đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 15 tháng 11 năm 2015

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 2.8. Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất THỦY ĐỨC
Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão -HP

Mẫu số: S03a - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT K ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư trang trước chuyển sang		44.485.968.558	44.485.968.558
.....
06/11	PC240	06/11	Trả tiền dầu T11/2015	6422	921.136	
				133	91.114	
				111		1.013.250
.....
14/11	PX189	14/11	Giá vốn bán Cặp	632	45.230.000	
				156		45.230.000
14/11	GBC150	14/11	Cty Hoàng An trả tiền mua vải sớ nhựa	112	53.240.000	
				511		48.400.000
				3331		4.840.000
.....
15/11	PX204	15/11	Giá vốn cặp nhỏ	632	3.468.765	
				156		3.468.765
15/11	PT134	15/11	Thu tiền bán	111	14.575.000	
				511		13.250.000
				3331		1.325.000
17/11	PX205	17/11	Giá vốn bán vải tổng hợp	632	18.504.000	
				156		18.504.000
.....
30/11	PC289	30/11	Cước vận chuyển hàng hóa T11/2015	6421	6.000.000	
				133	600.000	
				111		6.600.000
.....
			Cộng phát sinh		53.062.074.357	53.062.074.357

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.9. Sổ cái TK 632

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thue
Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão - HP

Mẫu số: S03b - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI
Tên TK: Giá vốn hàng bán
Số hiệu: TK 632
Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			<u>Số dư đầu kỳ</u>			
			Số phát sinh			
.....
11/11	PX172	11/11	Giá vốn bán cặp ngang 170	156	49.041.080	
			
14/11	PX189	14/11	Giá vốn bán cặp ngang 269	156	45.230.000	
.....
15/11	PX204	15/11	Giá vốn Cặp nhỏ	156	3.468.765	
17/11	PX205	17/11	Giá vốn bán vải tổng hợp	156	18.504.000	
.....
31/12	PKT126	31/12	Cuối năm kết chuyển GVHB	911		7.293.149.269
			Công số phát sinh		7.293.149.269	7.293.149.269
			<u>Số dư cuối kỳ</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

2.3.3. Kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

2.3.3.1. Chứng từ sử dụng tại công ty.

- Phiếu chi.
- Phiếu kế toán.
- Bảng tính tiền lương.
- Hóa đơn GTGT.

2.3.3.2. Tài khoản sử dụng tại công ty.

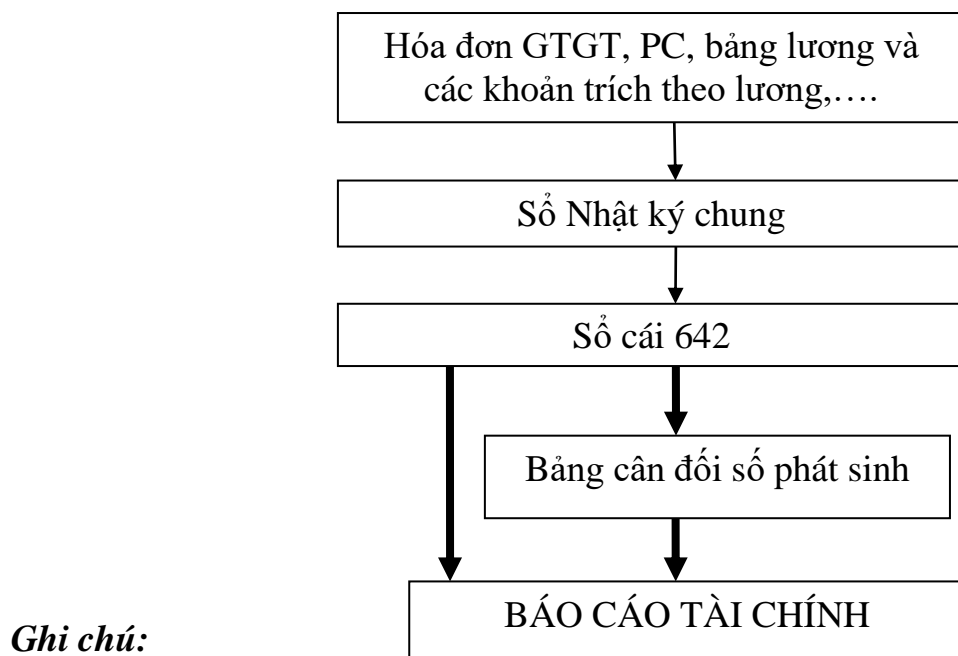
- TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh.
 - + TK 6421 – Chi phí bán hàng.
 - + TK 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

2.3.3.3. Sổ sách sử dụng tại công ty.

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ chi tiết các tài khoản.
- Sổ cái TK 642.

2.3.3.4. Quy trình hạch toán kế toán chi phí kinh doanh tại công ty.

Quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô được khái quát theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

Gia hàng ngày →

Ghi cuối tháng →

Sơ đồ 2.5. Sơ đồ hạch toán kế toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

2.3.3.5. Ví dụ minh họa.




***Ví dụ 2:** Ngày 30/11/2015 Công ty thanh toán cước vận chuyển hàng hóa T11/2015 cho công ty TNHH vận tải thương mại Hà Anh, số tiền là 6.600.000 đ (đã bao gồm VAT 10%).

***Ví dụ 3:** Ngày 06/11/2015 Công ty trả dầu cho cty Đông Á 1.013.250đ.

Quy trình hạch toán chi phí kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô như sau:

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT (Biểu 2.10) viết phiếu chi (Biểu 2.11) và căn cứ vào hợp đồng thuê văn phòng, viết phiếu chi (Biểu 2.12). Sau đó, kế toán tiến hành hạch toán các nghiệp vụ đó vào Sổ nhật ký chung (Biểu 2.13) và sổ cái (Biểu 2.14).

Biểu 2.10. Hóa đơn GTGT số 0001802

H A	HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 2: Giao cho người bán Ngày 30 tháng 11 năm 2015	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: 01AA/14P Số: 0001802														
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THƯƠNG MẠI HÀ ANH Mã số thuế: 0200391907 Địa chỉ: Hạ Đoạn 2, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng Điện thoại: 0313.761 985 Fax: 0313.761 985 Số tài khoản: 179889819 tại ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hải Phòng																
Họ tên người mua hàng: ...Nguyễn Ánh..... Tên đơn vị: ..Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô Địa chỉ: Độ 9, XÃ An Thắng – An Lão - HP Số tài khoản: 2110201001055 tại ngân hàng NO & PTNT Huyện An Lão Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <tr> <td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">0</td><td style="width: 20px;">1</td><td style="width: 20px;">3</td><td style="width: 20px;">4</td><td style="width: 20px;">3</td><td style="width: 20px;">2</td><td style="width: 20px;">5</td><td style="width: 20px;">4</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td> </tr> </table>			0	2	0	1	3	4	3	2	5	4				
0	2	0	1	3	4	3	2	5	4							
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền											
1	Cước vận chuyên				6.000.000											
Cộng tiền hàng:					6.000.000											
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 600.000											
Tổng cộng tiền thanh toán:					6.600.000											
Số tiền viết bằng chữ: Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./.																
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)														
																
Nguyễn Ánh	Trần Kim Mai	Trần Thị Thuận														
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)																

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.11. Phiếu chi số 289

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Mã số: 02 – TT

Địa chỉ: Đô 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão-HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Quyển số:

Số: 289

Nợ: 6421,133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền:Lê Mạnh Cường.....

Địa chỉ:Công ty TNHH Vận Tải Thương Mại Hà Anh.....

Lý do chi: ...Trả cước vận chuyển hàng hóa T11/2015.....

Số tiền:6.600.000 đồng.....(viết bằng chữ): Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng
chẵn.....

Kèm theo:01.....chứng từ gốc.

Ngày 30 tháng 11 năm 2015

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng
dấu)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ
tên)

**Người lập
phiếu**
(Ký, họ tên)

**Người nhận
tiền**
(Ký, họ tên)


Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu triệu sáu trăm nghìn đồng chẵn./.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.12: Hóa Đơn GTGT số 009585



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI ĐÔNG Á
 Mã số thuế: **0200573713**
 Địa chỉ: Nguyễn Bình Khiêm - Đông Hải 1 - Hải An - HP
 Điện thoại: 031.3741304
 Số tài khoản: 102010000204804 - NH Công thương Tô Hiệu HP

Mẫu số: 01GTKT3/001
 Ký hiệu: AA/13P
 Số: **0009585**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
 Liên 2: Giao người mua
 Ngày 06 tháng 11 năm 2015

Họ tên người mua hàng: _____
 Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại sơn xe Phú Đô
 Mã số thuế: 0200852160
 Địa chỉ: Đi 9, xã An Khánh, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng
 Hình thức thanh toán: Hiện tiền Số tài khoản: _____

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
<u>01</u>	<u>Dầu Dexel 0.05 % S</u>	<u>lít</u>	<u>75</u>	<u>12281,818</u>	<u>921.136</u>
Cộng tiền hàng:					<u>921.136</u>
Thuế suất GTGT: <u>10%</u> Tiền thuế GTGT:					<u>92.114</u>
Lệ phí xăng dầu:					
Tổng cộng tiền thanh toán					<u>1.013.250</u>
Số tiền viết bằng chữ: <u>Một triệu, không trăm mười, ba nghìn hai trăm năm mươi đồng!</u>					

Biểu 2.12. Phiếu chi số 282

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
Địa chỉ: Đội 9, Xã An thắng, Huyện An Lão-HP

Mã số: 02 – TT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 06 tháng 11 năm 2015

Quyển số:

Số: 282

Nợ: 6422,133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền:Nguyễn Thị Thanh

Địa chỉ: ...Công Ty TNHH TM sản xuất Thủ Đô

Lý do chi: ...Chi tiền mua dầu do Công ty Đông Á

Số tiền: ...1.013.250 đồng.....(viết bằng chữ): Một triệu không trăm
mười ba nghìn hai trăm năm mươi đồng chẵn.

Kèm theo: 01 HĐ GTGT 9585 chứng từ gốc.

Ngày 06 tháng 11 năm 2015

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
--	---	-----------------------------------	--	--

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm triệu đồng chẵn.....

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.13. Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão -HP

Mẫu số: S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT K ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư trang trước chuyển sang		44.485.968.558	44.485.968.558
.....
06/11	PC240	06/11	Trả tiền Dầu T 11/2015	6422 133 111	921.136 92.114	1.013.250
07/11	PC283	07/11	Mua văn phòng phẩm	6422 133 111	1.061.636 106.164	1.167.800
07/11	PC284	07/11	Tiếp khách ăn uống	6421 133 111	4.700.000 470.000	5.070.000
09/11	PC189	09/11	Thí nghiệm thiết bị điện	6421 133 111	244.260 24.426	268.686
12/11	UNC184	12/11	Phí mua 02 cuốn sổ	6422 133 112	50.000 5.000	55.000
.....
16/11	PC286	16/11	Thanh toán tiền mua thiết bị, HĐ số 0001874	156 133 111	4.675.000 467.500	5.142.500
.....
30/11	PC289	30/11	Cước vận chuyển hàng hóa T11/2015	6421 133 111	6.000.000 600.000	6.600.000
.....
			Cộng phát sinh		53.062.074.357	53.062.074.357

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.14. Sổ cái TK 642

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão -HP

Mẫu số: S03b - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: TK 642

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
.....
06/11	PC240	06/11	Trả tiền đầu T11/2015	111	921.136	
07/11	PC283	07/11	Mua văn phòng phẩm	111	1.061.636	
07/11	PC284	07/11	Tiếp khách ăn uống	111	4.700.000	
09/11	HĐ 0001189	09/11	Thí nghiệm thiết bèn vải	111	244.260	
12/11	UNC184	12/11	Phí mua 02 cuốn sổ	112	50.000	
30/11	PC289	30/11	Cước vận chuyển hàng hóa T11/2015	111	6.000.000	
.....
31/12	PKT 126	31/12	Cuối năm kết chuyển CPQLDN	911		715.217.784
			Công số phát sinh		715.217.784	715.217.784
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

2.3.4. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Thương mại sản xuất Thủ Đô

Năm 2015 tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô không phát sinh chi phí hoạt động tài chính.

2.3.4.1. Chứng từ sử dụng tại công ty

- Giấy báo có của ngân hàng

2.3.4.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

Đề hạch toán doanh thu từ hoạt động tài chính Công ty sử dụng:

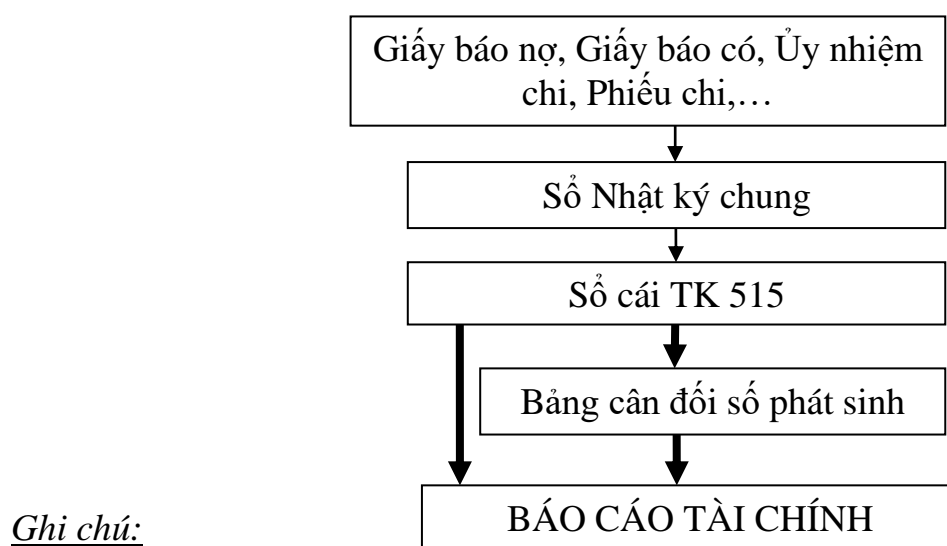
- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

2.3.4.3. Sổ sách sử dụng tại công ty

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 515

2.3.4.4. Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại công ty

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính được mô tả theo sơ đồ sau:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng →

Sơ đồ 2.6. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

2.3.4.5. Ví dụ minh họa

* **Ví dụ:** Ngày 30/11/2015 trả tiền DEP.INT.DEPSIT của NH nông nghiệp và phát triển nông thôn AL, số tiền 80.700 đ.

Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô như sau:

Kế toán căn cứ giấy báo Có (Biểu 2.15) rồi tiến hành lập Sổ nhật ký chung (Biểu 2.16), Sổ cái (Biểu 2.17) các tài khoản có liên quan.

Biểu 2.15. Giấy báo có số 163

Công ty TNHH Thương mại sản xuất Thủ Đô
Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ

Người nộp tiền: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn An Lão		Số: NITK072		
Địa chỉ:		Ngày: 30/11/2015		
Lý do: Trả tiền DEP. INT. DEPOSIT		Tài khoản: 1121		
Số tài khoản đơn vị thụ hưởng: 2110201001055				
Tại ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam				
Số tiền: 80.700		Loại tiền: VND		
Số tiền bằng chữ: Tám mươi nghìn bảy trăm đồng chẵn.				
Diễn giải	Số tiền nguyên tệ (VND)	Số tiền (VND)	Chi Nợ	Chi Có
Trả tiền DEP. INT. DEPOSIT	80.700	80.700	1121	515

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Vũ Văn Toàn

Trần Thị Thuận

Phạm Thị Ánh
Ngọc

Nguyễn Thị Thanh

(Trích nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.16. Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: CTY CP XÂY LẬP VÀ THIẾT BỊ ĐIỆN HP
Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão - HP

Mẫu số: S03a - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT K ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư trang trước chuyển sang		44.485.968.558	44.485.968.558
.....
07/11	PC283	07/11	Mua văn phòng phẩm	6422 133 111	1.061.636 106.164	1.167.800
09/11	HĐ 0001189	09/11	Thí nghiệm thiết bị điện	6421 133 111	244.260 24.426	268.686
10/11	PC283	10/11	Thanh toán tiền lương T10/2015	334 111	58.391.843	58.391.843
11/11	PX00172	11/11	Giá vốn bán cặp	632 156	49.041.080	49.041.080
11/11	HĐ 0000206	11/11	Doanh thu bán Cặp	131 511 3331	56.080.000	50.540.000 5.540.000
12/11	UNC184	12/11	Phí mua 02 cuốn sổ	6422 133 112	50.000 5.000	55.000
.....
30/11	PC289	30/11	Cước vận chuyển hàng hóa T11/2015	6421 133 111	6.000.000 600.000	6.600.000
30/11	GBC072	30/11	Trả tiền DEP của NH nông nghiệp và phát triển nông thôn	112 515	80.700	80.700
.....
			Cộng phát sinh		53.062.074.357	53.062.074.357

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.17. Sổ cái TK 515

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
Địa chỉ: Đội 9, xã An Thắng, Huyện An Lão -HP

Mẫu số: S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: TK 515

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
30/05	GBC 66	30/05	Công ty nhận lãi tiền gửi T05/2015 của NH nông nghiệp và phát triển nông thôn	112		125.688
...
30/10	GBC 130	30/10	Công ty nhận lãi tiền gửi T10/2015 của NH nông nghiệp và phát triển nông thôn	112		130.243
30/11	GBC 072	30/11	Trả tiền DEP của NH nông nghiệp và phát triển nông thôn	112		80.700
31/12	PKT 125	31/12	Cuối năm kết chuyển DTHĐTC	911	1.565.000	
			Công số phát sinh		1.565.000	1.565.000
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

2.3.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

2.3.5.1. Chứng từ sử dụng tại công ty

- Phiếu kế toán.

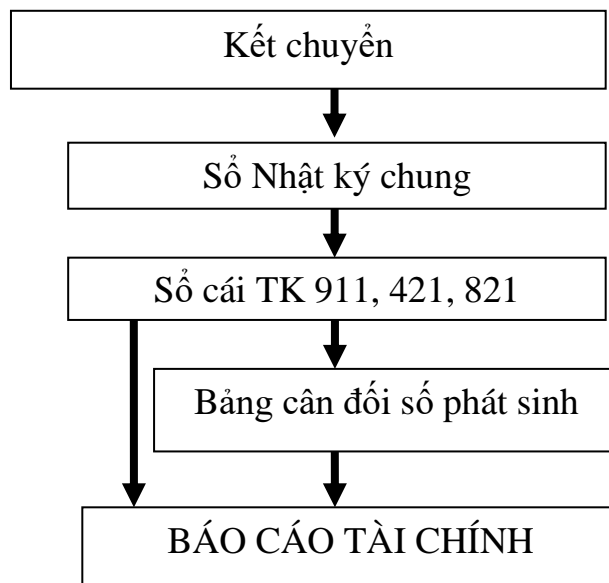
2.3.5.2. Tài khoản sử dụng tại công ty

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821 – Chi phí thuế TNDN.
- TK 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

2.3.5.3. Sổ sách sử dụng tại công ty

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ cái có liên quan như: Sổ cái TK 511, Sổ cái TK 515, Sổ cái TK 632, Sổ cái TK 642, Sổ cái TK 911.

2.3.5.4. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty



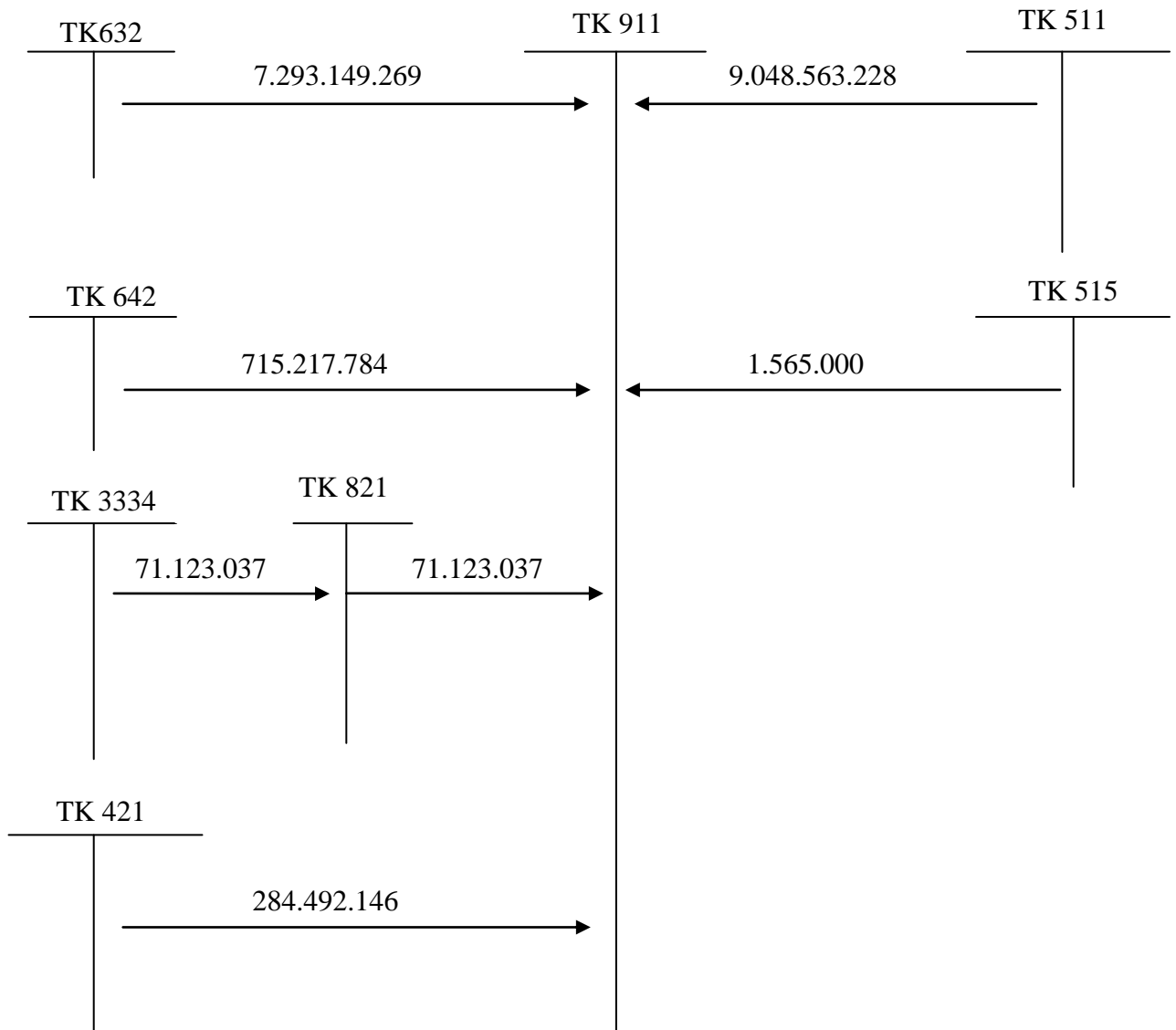
Ghi chú:

Ghi cuối kỳ →

Sơ đồ 2.7. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

2.3.5.5. Ví dụ minh họa

***Ví dụ 4:** Xác định kết quả kinh doanh của công ty năm 2015.



Sơ đồ 2.8. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô năm 2015

Biểu 2.18. Phiếu kế toán số 125

Đơn vị: CT TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão -HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 125

STT	Nội dung	TK nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Cuối năm kết chuyển doanh thu BH	511	911	9.048.563.228			
2	Cuối năm kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.565.000			
	Cộng			9.050.128.228			

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.19. Phiếu kế toán số 126

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 126

STT	Nội dung	TK nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Cuối năm kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	7.293.149.269			
2	Cuối năm kết chuyển CP quản lý kinh doanh	911	642	715.217.784			
	Cộng			8.008.366.953			

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.20. Phiếu kế toán số 127

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 127

STT	Nội dung	TK nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	XĐ chi phí thuế TNDN	821	3334	71.123.037			
	Cộng			71.123.037			

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.20. Phiếu kế toán số 128

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão - HP

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Số: 128

STT	Nội dung	TK nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết TK		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	CP thuế TNDN	911	821	71.123.037			
2	Cuối năm kết chuyển lãi hoạt động kinh doanh	911	421	284.492.146			
	Cộng			355.615.183			

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.21. Sổ nhật ký chung

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão - HP

Mẫu số: S03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHT K ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư trang trước chuyển sang		44.485.968.558	44.485.968.558
.....
05/11	PC282	05/11	Trả tiền dầu	6422	921.136	
				133	92.114	
				111		1.013.250
.....
30/11	PC289	30/11	Cước vận chuyển hàng hóa T11/2015	6421	6.000.000	
				133	600.000	
				111		6.600.000
31/12	GBC163	31/12	Trả tiền	112	80.700	
				515		80.700
.....
31/12	PKT125	31/12	Cuối năm kết chuyển doanh thu	511	9.048.563.228	
				515	1.565.000	
				911		9.050.128.228
31/12	PKT126	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí	911	8.008.366.953	
				632		7.293.149.269
				642		715.217.784
31/12	PKT127	31/12	XĐ chi phí thuế TNDN	821	71.123.037	
				3334		71.123.037
31/12	PKT128	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	71.123.037	
				821		71.123.037
31/12	PKT128	31/12	Cuối năm kết chuyển lãi HKKD	911	284.492.146	
				421		284.492.146
			Cộng phát sinh		53.062.074.357	53.062.074.357

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.22. Sổ cái TK 911

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão -HP

Mẫu số: S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: TK 911

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
.....
31/12	PKT125	31/12	Cuối năm kết chuyển doanh thu bán hàng	511		9.048.563.228
31/12	PKT125	31/12	Cuối năm kết chuyển DTHĐTC	515		1.565.000
31/12	PKT126	31/12	Cuối năm kết chuyển GVHB	632	7.293.149.269	
31/12	PKT126	31/12	Cuối năm kết chuyển chi phí kinh doanh	642	715.217.784	
31/12	PKT128	31/12	Cuối năm kết chuyển CP thuế TNDN	821	71.123.037	
31/12	PKT128	31/12	Cuối năm kết chuyển lãi HKKD	421	284.492.146	
			Công số phát sinh		9.050.128.228	9.050.128.228
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 2.23. Sổ cái TK 421

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão -HP

Mẫu số: S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: TK 421

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			<u>75.159.906</u>
			Số phát sinh			
31/12	PKT 128	31/12	Cuối năm kết chuyển lãi HĐKD	911		284.492.146
			Công số phát sinh			284.492.146
			Số dư cuối kỳ			<u>359.652.052</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

CHƯƠNG 3:

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT THỦ ĐÔ

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Trong thời gian thực tập tìm hiểu thực tế về công tác kế toán tại công ty, em nhận thấy công tác kế toán tại công ty đã tuân thủ đúng chế độ của Nhà nước tương đối đúng đắn và phù hợp với điều kiện kinh doanh của công ty. Hiện nay trong quá trình hạch toán cũng không cứng nhắc, dập khuôn mà luôn được cải tiến cho phù hợp với điều kiện và đặc điểm kinh doanh của công ty, dựa trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành. Tuy nhiên chế độ kế toán tại công ty vẫn chưa hoàn toàn hợp lý.

3.1.1. Ưu điểm

❖ Về công tác kế toán nói chung

Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán của công ty gọn nhẹ. Quy trình làm việc của bộ máy kế toán khoa học, hợp lý, đội ngũ cán bộ kế toán là người có kinh nghiệm, chuyên môn, nhiệt tình và sáng tạo trong công việc.

Về trình tự hạch toán: Kế toán công ty đã áp dụng trình tự hạch toán theo đúng chuẩn mực kế toán đã ban hành của Bộ tài chính. Điều đó giúp cho việc ghi sổ kế toán được phù hợp, nhanh chóng, chính xác, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được đúng đắn, kịp thời, thuận tiện cho việc kiểm tra, đối chiếu số liệu.

Công ty luôn chấp hành đúng chính sách, chế độ kế toán tài chính của Nhà nước, các chính sách giá, thuế, tổ chức mở sổ kế toán một cách phù hợp để phản ánh tình hình biến động của Doanh thu, chi phí.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm và điều kiện hiện tại của công ty. Quy định mở và ghi chép trên Sổ Nhật ký chung, sổ cái, sổ chi tiết tương đối chặt chẽ và khoa học, đã kết hợp rộng rãi việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế.

Tổ chức công tác hạch toán ban đầu: Các chứng từ được lập tại công ty đều phù hợp với yêu cầu kinh tế phát sinh và yêu cầu pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ được lập ở tất cả các khâu đều có đầy đủ chữ ký đại diện của các bên có liên quan, và một số sử dụng theo đúng mẫu quy định của BTC ban hành theo quyết định QĐ 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Trưởng BTC. Trước khi đưa vào lưu trữ tất cả các chứng từ được sắp xếp, phân loại hệ thống theo nghiệp vụ kinh tế phát sinh và theo thứ tự thời gian. Với hệ thống chứng từ như vậy, đã giúp cho quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng hơn, tạo điều kiện cho việc ghi sổ kế toán, đảm bảo cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác.

❖ *Về công tác doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh*

- Về tổ chức kế toán doanh thu: mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ. Việc theo dõi hạch toán doanh thu hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả kinh doanh, đánh giá hiệu quả của từng loại hình dịch vụ để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Về công tác kế toán chi phí: chi phí là một vấn đề quan trọng mà mà quản lý luôn quan tâm và tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ nhằm tránh lãng phí. Bởi vậy công tác hạch toán chi phí tại Công ty bước đầu đảm bảo tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của ban giám đốc trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của Công ty. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tính hình thực tế của Công ty.

- Về việc xác định giá vốn hàng bán: Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân liên hoàn phù hợp với loại hình kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, hình thức này vừa mang tính chất tổng hợp, vừa mang tính chất chi tiết, phù hợp với trình độ của nhân viên kế toán giúp công tác tìm kiếm, quản lý dữ liệu được tiến hành một cách nhanh chóng và thuận tiện, dễ dàng.

3.1.2.Hạn chế

Bên cạnh những ưu điểm nêu trên công tác kế toán tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô vẫn còn những tồn tại cần khắc phục.

❖ Về bộ máy kế toán

- Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp là người phụ trách kiểm tra lập Báo cáo tài chính, đóng góp ý kiến với lãnh đạo công ty nên khối lượng công việc khá nhiều.

➤ **Công ty chưa mở sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán.**

Hiện nay, để hạch toán doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán, công ty mới chỉ sử dụng sổ cái TK511 và sổ cái TK632 mà không sử dụng các sổ chi tiết phục vụ cho các tài khoản này. Như vậy sẽ không cung cấp thông tin cho nhà quản trị một cách cụ thể và đầy đủ để phục vụ cho công tác quản lý giúp ban quản trị đưa ra quyết định đúng đắn.

3.2. Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đối với Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp vì nó có vai trò rất quan trọng. Thực trạng kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, hiệu quả hay không hiệu quả. Đồng thời là cơ sở để cho các cán bộ, lãnh đạo điều chỉnh hoạt động kinh doanh của mình, để tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu, chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2. Yêu cầu của việc hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, muốn có tính khả thi cần đáp ứng các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán. Mỗi quốc gia đều phải có một cơ chế quản lý tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chế độ, tôn trọng cơ chế.

- Hoàn thiện trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng chế độ chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất. - Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

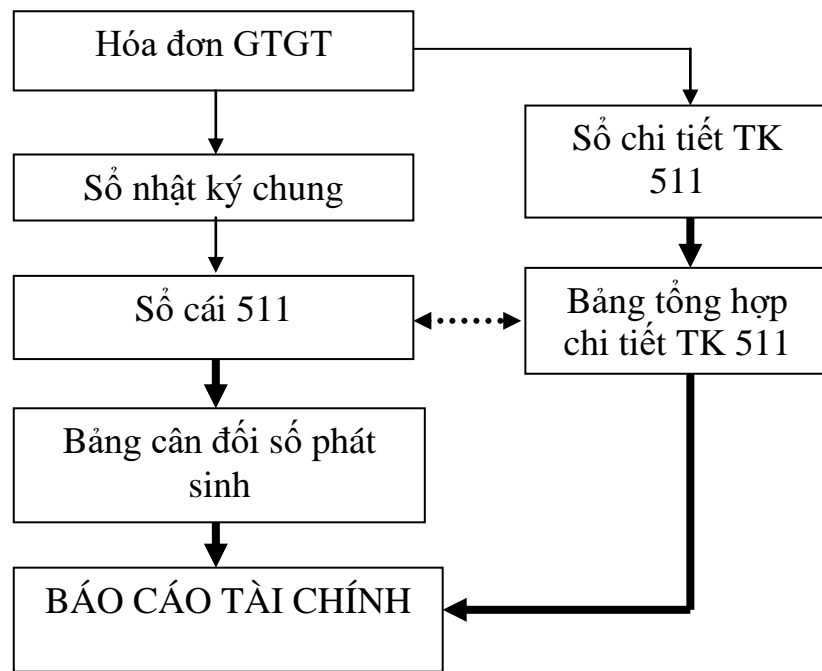
- Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh em xin được nêu ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong công ty.

3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

➤ ***Ý kiến 1: Công ty nên tiến hành mở sổ chi tiết về doanh thu bán hàng và giá vốn hàng bán để xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng***

Công ty nên mở sổ chi tiết cho TK511,632 cho từng loại sản phẩm, hàng hóa để có thể xác định được lợi nhuận cụ thể cho từng mặt hàng, giúp cung cấp thông tin chính xác cho ban quản trị có thể đưa ra chính sách hợp lý, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ sản phẩm, làm tăng thu nhập trong kỳ.

Như vậy, quy trình hạch toán kế toán doanh thu bán hàng của công ty như sau:



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kì →
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 3.1. Sơ đồ hạch toán về kế toán doanh thu bán hàng

Ví dụ minh họa:

Biểu 3.1. Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô
Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão- HP

Mẫu số S17 - DNN
 (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư): Cặp
 Tháng 11 năm: 2015

Ngày tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	DOANH THU			CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	
	Số hiệu	NT			SL	Đơn giá	TT	Thuế	Khác (5212, 5231)
A	B	C	D	E	1	2		3	4
			Số dư đầu kỳ:						
			Số phát sinh						
			
15/11	HD 0000181	15/11	Doanh thu bán Cặp	131	50	50.000	2.500.000	250.000	
17/11	HD 0000185	17/11	Doanh thu bán Cặp	111	65	45.000	2.925.000	292.500	
19/11	HD 0000190	19/11	Doanh thu bán Cặp	111	85	55.000	4.675.000	467.500	
			Cộng phát sinh		400		20.200.000	2.020.000	

Người ghi sổ
(Ký)

Kế toán trưởng
(Ký)

Ngày 30 tháng 11 năm 2015
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Biểu 3.2. Sổ chi tiết giá vốn hàng bán

Đơn vị : CTY TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô

Địa chỉ: Đội 9, Xã An Thắng, Huyện An Lão- HP

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên tài khoản: Cặp

Tháng 11 năm 2015

Ngày tháng ghi số	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK ĐƯ	Đơn giá	GIÁ VỐN	
	Số hiệu	NT				Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	
			Số dư đầu kỳ:				
			Số phát sinh				
...
15/11	HĐ 0000181	15/11	Giá vốn bán cặp	156	41.000	50	2.050.000
17/11	HĐ 0000185	17/11	Giá vốn bán cặp	156	41.000	65	2.665.000
19/11	HĐ 0000190	19/11	Giá vốn bán cặp	156	40.809	85	3.468.765
			Cộng số phát sinh			400	16.367.530

Người ghi sổ
(Ký)

Kế toán trưởng
(Ký)

Ngày 30 tháng 11 năm 2015
Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)

(Nguồn số liệu: Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô)

Tác dụng của việc mở sổ chi tiết cho các tài khoản 511 và 632: Giúp phân biệt được từng loại doanh thu, điều này giúp các nhà quản lý đánh giá được doanh thu của mặt hàng nào có hiệu quả hơn, từ đó có các chính sách, biện pháp nên tăng doanh thu của sản phẩm, hàng hóa nào và nên giảm doanh thu của sản phẩm, hàng hóa nào. Ban quản trị sẽ xây dựng kế hoạch doanh thu cho từng loại.

➤ **Ý kiến 2: Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy.**

Hiện nay, trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán nhưng phần mềm kế toán Misa, Fast, LinkQ. Công ty nên áp dụng và trang bị phần mềm kế toán cho đội ngũ kế toán, để xử lý nhanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, giảm bớt khối lượng công việc cũng như về mặt nhân sự mà có được độ chính xác và hiệu quả cao ba phần mềm kế toán thông dụng và được kế toán tin dùng nhiều nhất:

➤ Phần mềm kế toán Misa: Là giải pháp linh hoạt cho doanh nghiệp vừa và nhỏ và được áp dụng trong các trường hợp sau:

Doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp thương mại đơn giản, và mức độ quản lý không quá phức tạp, doanh nghiệp có yêu cầu quản trị cao hơn và mô hình hoạt động lớn ở mức tương đối, doanh nghiệp thực hiện kinh doanh ở nhiều lĩnh vực.

Phần mềm kế toán Misa có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ thấy thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.

Và điểm nổi trội nữa của Misa là chức năng lưu và ghi sổ dữ liệu khá quan trọng, và công nghệ bảo mật dữ liệu cao vì phần mềm Misa chạy trên cơ sở dữ liệu sql và tính chính xác trong việc xử lý số liệu tính toán cũng rất chính xác.

Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán MISA.MSE.2015



➤ Phần mềm kế toán Fast: Là giải pháp cho loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến lớn điển hình là các doanh nghiệp lớn phải cần báo cáo về việc quản lý, hay các doanh nghiệp xây dựng sản xuất thì nên dùng phần mềm fast.

Và chắc chắn fast cũng sẽ có nhiều ưu điểm như: giao diện cũng rất dễ làm việc, luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về các chính sách điều khoản thuế, thông tư và các nghị định của Bộ tài chính, bám sát các chế độ kế toán hiện hành, và xử lý số liệu một cách nhanh, cho phép kết xuất báo cáo ra Excell với mẫu biểu sắp xếp đẹp.

Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán Fast Accounting



➤ Phần mềm kế toán LinkQ: Là phần mềm được xây dựng trên công cụ lập trình tiên tiến C#.NET, cơ sở dữ liệu SQL Server tích hợp trên Font chuẩn Unicode.

- Theo dõi và hạch toán song song nhiều loại tiền tệ.
- Cho phép làm việc trên nhiều cửa sổ trong cùng một thời điểm, di chuyển nhanh đến danh mục hay chứng từ trên nhiều phân hệ khác.
- Mô hình dữ liệu cho phép tập hợp và quản lý theo sơ đồ Tổng công ty – Công ty thành viên – Chi nhánh.
- Tính linh động, dễ chỉnh sửa: Cho phép người dùng khai báo thêm các trường thông tin để theo dõi.
- Giao diện và báo cáo tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Hoa và các ngôn ngữ khác do người dùng tự định nghĩa.
- Kết xuất dữ liệu ra bộ Office dễ dàng, kết xuất trực tiếp ra HTTK, iHTKK, TaxOnline.
- Tích hợp trên nhiều hệ điều hành như: Winxp, Vista, Win7.

- Có thể kết nối dữ liệu từ xa (trường hợp bán hàng có showroom, chi nhánh, công ty con,...)

Dưới đây là giao diện phần mềm kế toán LinkQ



* Với quy mô của Công ty Cổ phần Xây lắp và Thiết bị điện Hải Phòng như hiện nay thì nên sử dụng Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015 - đây là phần mềm kế toán mới được nâng cấp với nhiều tính năng tiện dụng hơn so với phần mềm kế toán cũ. Em xin giới thiệu phần mềm Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 mà công ty có thể sử dụng với nhiều tính năng dễ sử dụng và tiện lợi.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán, quản lý mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh của mình. Với MISA SME.NET 2012 doanh nghiệp có thể kiểm soát được số liệu trực tuyến tại bất cứ đâu, bất cứ khi nào thông qua Internet.

- Cập nhật chế độ tài chính mới nhất.
- Đáp ứng 4 phương pháp tính giá thành cho Doanh nghiệp sản xuất: Giảm đơn, Hệ số, Tỷ lệ, Phân bước liên tục.
- Xuất khẩu báo cáo thuế theo định dạng XML, kê khai thuế qua mạng trực tiếp qua MTAX.VN.
- Lập kế hoạch thu hồi công nợ, phân tích hiệu quả chiến dịch thu nợ, quản trị công nợ theo loại, hạn nợ.
- Bổ sung phân hệ Thủ quỹ, Thủ kho giúp tiết kiệm 90% thời gian, công sức cho thủ quỹ, thủ kho.
- Dự báo dòng tiền trong tương lai giúp doanh nghiệp tối ưu vòng quay vốn
- Tăng tốc độ xử lý dữ liệu, xem sổ sách, báo cáo và nhập liệu nhanh gấp 3 lần.

KẾT LUẬN

Đề tài khóa luận “Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô” đã giải quyết được 1 số vấn đề sau:

➤ Về mặt lý luận:

- Đưa ra được những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Đưa ra được những lý luận về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp, đánh giá khái quát được tình hình tài chính trong doanh nghiệp.

➤ Về mặt thực tiễn:

- Đề tài đã phản ánh thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.
- Đề tài đã đánh giá được ưu, nhược điểm trong công tác kế toán nói chung, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng.
- Đề tài đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.

Do thời gian thực tập có hạn, vốn kiến thức khoa học còn hạn hẹp, nên bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Kính mong nhận được sự góp ý giúp đỡ của các thầy cô, ban giám đốc cùng các bạn để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của TS. Trần Thị Thanh Thảo, các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh Trường Đại học Dân lập Hải Phòng, Ban lãnh đạo và các cán bộ kế toán ở phòng kế toán tại Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2016

Sinh viên

Đỗ Thị Phương Thảo

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tham khảo tại Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.
2. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán mới – TS. Võ Văn Nhị.
- 3 Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
4. Kế toán thương mại và dịch vụ - PGS.TS Ngô Thế Chi.
Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán - Nhà xuất bản tài chính.
5. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển1) – Hệ thống tài khoản kế toán – Nhà xuất bản tài chính.
6. Kế toán doanh nghiệp theo chuẩn mực kế toán mới – TS. Nghiêm Văn Lợi.
7. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2) – Báo cáo tài chính, chứng từ và sổ kế toán, sơ đồ kế toán - Nhà xuất bản tài chính.
8. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính VAT – TS. Võ Văn Công. Tài liệu tham khảo tại Phòng kế toán Công ty TNHH thương mại sản xuất Thủ Đô.